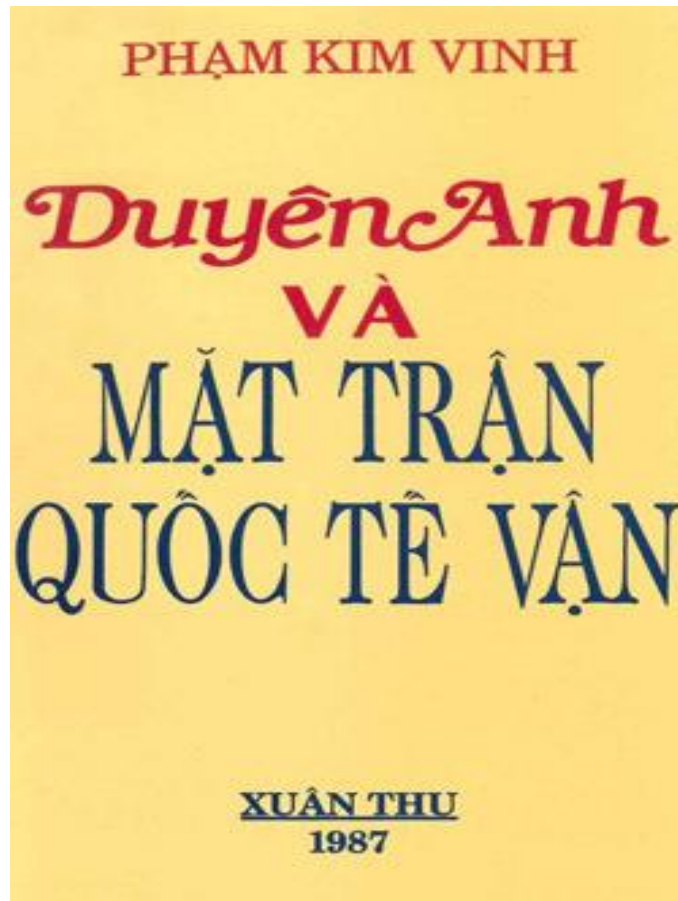


DUYÊN ANH và MẶT TRẬN QUỐC TẾ VẠN

Phạm Kim Vinh



(nguồn: <https://vietmessenger.com>)

Ông Phạm Kim Vinh là cựu sĩ quan cao cấp của QL.VNCH; khi còn mang cấp đại úy, ông đã là một trong những giảng viên ưu tú về lý luận chiến lược quân sự tại trường Đại học Quân sự (sau này là trường Chỉ huy & Tham mưu). Dưới bút hiệu Trương Tử Phòng, ông là tác giả nhiều bài phân tích sâu sắc về quân sự, kinh tế, chính trị, xã hội. Xin giải ngũ ở cấp bậc trung tá, ông tiếp tục viết báo và sau đó hành nghề luật sư, đồng thời giảng dạy tại trường Cao Đẳng Quốc Phòng, Đại Học Chiến Tranh Chính Trị.

Về biên khảo và sáng tác, ông là tác giả của 37 tác phẩm rất có giá trị, tác phẩm cuối cùng của ông phát hành năm 1999 là cuốn **Tôn Vinh Cuộc Chiến Đấu Thần Thánh Của Quân Đội VNCH**.

Ông đã từ trần vào ngày 25 tháng 1 năm 2000 tại Fountain Valley, Quận Cam, California, hưởng thọ 69 tuổi.

THAY LỜI TỰA

Người Việt lưu vong trên thế giới đã nghĩ gì khi báo chí và truyền hình Tây phương loan báo tổng thống Mỹ tiếp một phái đoàn gồm mười lăm quân kháng chiến chống cộng Afghanistan, và từ 1985 tới nay, mỗi năm, quốc hội Mỹ chấp thuận cấp trên 500 triệu Mỹ kim viện trợ quân sự cho quân kháng chiến ấy; – khi hay tin lãnh tụ du kích chống cộng Jonas Savimbi của Angola được tổng thống Reagan tiếp, và Savimbi đã nhận được ít ra là gần 20 triệu mỹ kim viện trợ quân sự; – hay là khi được biết rằng quân kháng chiến chống cộng tại Lào đã được Liên Minh Thế Giới Chống Cộng giúp về quân sự và kinh tế?

Từ mười một năm nay, cái tin duy nhất nói về sự tiếp xúc giữa quốc hội Mỹ và người tị nạn VN là tin một tiểu ban của Thượng Viện Mỹ gặp tên việt gian Trương Như Tảng; và gặp không phải để bàn về thủ tục viện trợ cho quân kháng chiến chống cộng tại VN mà chỉ để quốc hội Mỹ hỏi dò về tin tức những người tù binh Mỹ hiện còn đang bị nhà cầm quyền Hà-nội giam giữ.

Phải chăng người Việt đã thua cả người Lào và người Cao Mên, thua luôn cả những bộ lạc bán khai tại Angola trong lãnh vực quốc tế vận? Tuy rằng thất bại về vận động của người Việt tại Mỹ không có nghĩa là tại các nơi khác trên thế giới, người Việt lưu vong cũng thất bại, nhưng thất bại tại Mỹ là một chỉ dẫn hùng hồn nói lên sự yếu kém của người Việt lưu vong trong lãnh vực thiết yếu này. Đó là chưa kể một điều đau lòng khác nữa: cứ giả dụ rằng sự vận động quốc tế thành công, và có một vài quốc gia thân hữu nào đó chịu viện trợ trực tiếp cho chúng ta thì sẽ có lực lượng nào của phía chúng ta đáng mặt đại diện khối người lưu vong để chính thức tiếp nhận viện trợ ấy?

Đây quả là một điều nhục nhã cho dân tộc Việt Nam. Hiện có gần hai triệu người Việt tị nạn trên thế giới, trong số đó, có hàng ngàn nhà đại trí thức, hàng ngàn lý thuyết gia, chính trị gia, quân sự gia, hàng ngàn nhà văn, nhà báo, nhà làm văn hóa..., tại sao khối người có tiềm năng lớn như thế lại chịu để cho mặt trận quốc tế vận thất bại ròn rã hơn mười một năm?

Tìm giải đáp cho câu hỏi này, người ta không thể tránh được cái nhìn hướng về trách nhiệm của những người cầm bút, trách nhiệm của giới người gọi là trí thức của xã hội Việt Nam? Hai giới ấy đã đóng góp được những gì cho quê hương đau khổ? Hai giới ấy đã dùng tự do chính trị và tự do tư tưởng của họ như thế nào?

Năm 1985, Nhóm Tao Đàn Sông Hàn, một nhóm người cầm bút quyết liệt chống cộng tại Việt Nam sau năm 1975, đã cố gắng gửi được ra thế giới bên ngoài một lời nhắn thống thiết của họ đến những người Việt đã tìm được tự do tại xứ người, đặc biệt là nhắn giới văn nghệ sĩ Việt lưu vong. Trong lá thư ngỏ gửi "các chiến sĩ văn hóa ở hải ngoại," nhóm ấy viết:

"... Văn nghệ sĩ, nếu khác với người thường chẳng, họa là ở chỗ: tâm hồn hẳn không phải tảng đá, hoặc nếu là tảng đá thì là tảng đá sống nơi triền biển để làm dội vang lên tiếng sóng vỗ, để làm cho biển không còn câm nín, hết là một sự có-mặt-vô-hình... Biển của chúng ta hôm nay là biển-mất-nước. Vượt biên ra đi, sang bên kia bờ tự do, các anh chị chỉ mở rộng thêm ra thành mênh mông cái biển-mất-nước kia mà thôi. Nhưng các anh chị em đã làm gì cho biển thành

hình ra những âm vang của sóng?... Văn nghệ sĩ là nhân chứng. Từ xưa, ai cũng nói thế. Các anh chị em đã làm gì và làm đến đâu cái vai trò một nhân chứng của mình? Các anh chị em là những người may mắn. Gần 60 triệu người dân cùng khổ trong nước ao ước được ra đi, chỉ có các anh chị em là lọt thoát. Trong trái tim các anh chị em, nặng trĩu tâm sự của 60 triệu người, các anh chị em nỗ lực làm thình hay chỉ hát những bài ca ru ngủ?... ”

Rồi trong "Tuyên ngôn của Tiếng Nói", nhóm Tao Đàn Sông Hàn nói thêm:

"... Không ai có thể giam cầm được tiếng nói. Tay trắng trước súng đạn của kẻ thù, chúng tôi dùng TIẾNG NÓI làm vũ khí. Mất diễn đàn công khai, chúng tôi có 60 triệu con người đang bị áp bức, đau khổ làm những người tri âm thầm lặng. Có sao đâu? Lòng người là kho lưu giữ văn chương. Và trí nhớ con người đẹp tan những cơ quan kiểm duyệt. Mà chúng tôi cũng không phải là những nhà sáng tác đơn độc. Tham gia công cuộc sáng tạo ra tiếng nói chân chính chống lại bạo quyền, nêu cao công lý, bảo vệ truyền thống dân tộc ấy là tất cả mọi người... Hạnh phúc biết bao nhiêu những người thức thâu đêm sáng tác khi biết chắc chắn rằng ở cuối trang giấy của mình, ở chỗ tận cùng chữ viết của mình, là một bình minh đang lên."

Gười văn nghệ sĩ Việt lưu vong trả lời những câu hỏi u uất trên đây của nhóm Tao Đàn Sông Hàn ra sao? Một bài phiếm luận theo thể cù-không-cười của nguyệt báo *Việt Nam Hải Ngoại* số 169, phát hành tháng 8 năm 1985 đã mang lại cho chúng ta một phần của câu trả lời. Bài ấy viết:

"... Trong cuộc chiến của chúng ta với bọn cộng sản, một số người cho rằng ta đang ở trong vùng an toàn, địch không thể nào liều mạng tấn công ta ở bên ngoài biên giới mới của chúng ta là Lào và Cam-bốt. Lời hô hào kết hợp một mặt trận văn hóa ở đây để chặn địch đã bị một vài ÔNG VĂN HÓA dè bĩu. Các ông cho rằng bàn chuyện đánh văn hóa là chuyện phí thời giờ vì trận chiến văn hóa chỉ là tưởng tượng! Ta đang ở khu an toàn, ta làm văn hóa nháy đăm, văn hóa khiêu dâm, văn hóa gà què ăn quần cối xay. Solzhenitsyn viết Quần Đảo Gulag. Ta tự giam ta trong cái quần đảo Gulag của sự U Tối. Phải đánh nhau với địch mà chỉ hi vọng trận đánh sẽ không xảy ra, quả các ông này không thuộc lịch sử, không phải là người có văn hóa."

"Ngoài ra, chúng ta lại còn có nhiều chiến sĩ văn hóa một đời không chịu trưởng thành. Các chiến sĩ này tối ngày chỉ lo xưng tụng nhau là rường cột của trào đại văn hóa hiện tại. Các ông chỉ định nhau, ông này là ngự sử, ông kia là tể tướng. Nhiều khi, lời tâng bốc nhau không đúng... chỉ số, không vừa lòng, các ông đánh nhau còn hăng hơn con nít cướp cháo tháng ba. Các ông chia nhau vài mảnh chiếu manh, dấm ngum rượu vò, ngắt ngưỡng tưởng mình đang là... Lý Bạch! Chỉ tiếc một điều, cái văn hóa của các ông chỉ là sơn tàu vẽ trên tượng đất nung, và cái trào đại văn hóa của các ông chỉ là trào đại của những đào kép cải lương, hồ quảng. Sự liều mạng của các ông này khiến đám đông bất mãn, khiến làng văn hóa ta ô uế nặng mùi. Các ông liều mạng làm bậy, nhưng lại không liều mạng chống kẻ thù. Cuộc chiến đấu thần thánh của các ông chỉ diễn ra quanh bàn rượu, chỉ bố trí trên những trang giấy không có chỗ điền quảng cáo. Cứ thế, các ông ba hoa, các ông khoe khôn khoe giỏi với nhau, tự kỳ ám thị rằng chữ nghĩa của các ông đã khiến bọn cộng sản... run sợ và ngã gục! Bọn cộng sản khen các ông là... đồng minh tốt."

"... Cả một bầu trời mê muội địch đang giăng mắc ra trên đầu chúng ta, mà những ngôi sao dẫn lối thì ngày càng mờ mịt; không mờ mịt thì địch phun ám

khí cho rơi rụng mất dần đi. Và quý vị tự xưng là độc tôn văn hóa kia lúc nào cũng sẵn sàng giúp cách phun thêm ám khí một cách hăng hái, tưởng thế là loại bột được cạnh tranh, củng cố được sự độc tôn của mình... Cứ nhìn vào tình hình xuất bản, cứ lật những trang báo lá cải, cứ đọc thứ vài dòng 'văn hóa' (hay tin tức chó chết) trên mấy tờ lá cải ấy đủ thấy trận tuyến văn hóa của ta nó thế thảm đến thế nào. Có thể nói là thế thảm hơn cả trước ngày 30-4-1975 nữa..."

Là một kẻ lưu vong hèn mọn từ năm 1975 cho tới nay, tôi đã tự nguyện theo đuổi một việc làm ở xứ người mà tôi biết chắc sẽ không sợ một người Việt nào khác cạnh tranh: đó là việc đi tìm những thành tích văn hóa và chính trị lỗi lạc của người tị nạn VN trên thế giới để tôn vinh. Trên con đường ấy, tôi đã rất vui mừng khi thấy các tác phẩm mới của nhà văn Duyên Anh xuất hiện tại một số nhà sách của người tị nạn VN ở Mỹ, ít lâu sau khi được biết ông ta đã tìm được tự do và lựa chọn nước Pháp làm quốc gia định cư cùng với gia đình của ông ta.

Đọc những tác phẩm mới này của Duyên Anh, tôi thấy một sự chuyển hướng rõ rệt của ông ta. Ông ta đã thật sự dùng ngòi bút của mình để trực tiếp tham gia nỗ lực chống cộng sản và nỗ lực vận động dư luận quốc tế. Cuốn "[Một Người Nga ở Sài Gòn](#)" ra đời mùa thu năm 1986 càng làm tôi tin rằng ý nghĩ của tôi về sự chuyển hướng viết của Duyên Anh là ý nghĩ đúng. Bên cạnh ý nghĩ ấy, tôi còn một ý nghĩ khác là người Việt lưu vong, nhất là giới cầm bút, sẽ đương nhiên ca ngợi nỗ lực tranh đấu quyết liệt bằng ngòi bút của Duyên Anh, vì rõ ràng là chỉ mới từ 1984 là năm ông ta tạm ổn định được cuộc sống tại Pháp, Duyên Anh đã làm cho dư luận Âu Châu biết đến sự thật về nước Việt Nam dưới ách cộng sản nhiều hơn bất cứ một người tị nạn VN nào khác đã làm được từ 1975 cho tới nay.

Sự thật cho thấy rằng ý nghĩ thứ hai này của tôi đã sai lầm một cách thảm hại.

Khi thấy đa số báo chí Việt ngữ hải ngoại viết rất ít, hoặc cố tình làm ngơ trước thành tích quốc tế vận của Duyên Anh, tôi đã đi tìm căn nguyên của hiện tượng ấy. Tôi đã thâm lượm được khá nhiều mẫu tin, phần nhiều là tin rỉ tai, hoặc tin theo lối "*nghe nói rằng...*" về hoạt động của nhà văn Duyên Anh tại Việt Nam từ 1975 cho tới ngày ông ta trốn được khỏi Việt Nam. Vùng địa dư đề ra nhiều tin rỉ tai nhất để hạ nhục Duyên Anh là Orange County, phía nam tiểu bang California của nước Mỹ, phần đất mà Duyên Anh đã tặng cho cái tên rất xứng đáng, rất chính xác là "*Xóm Lầy Orange County*". Phần đất này chứa nhiều người tị nạn VN phức tạp nhất nước Mỹ, và phần đất này cũng đề ra những thành tích ô nhục nhất cho người Việt ở hải ngoại. Trước khi đề ra những trò rỉ tai để tiện để vu cáo Duyên Anh thì phần đất này đã là cái nôi khai sinh trò lừa bịp bỉ ổi nhất thế giới dưới lốt Mặt Trận Kháng Chiến.

Xóm Lầy Orange County tung ra các mẫu tin bất lợi cho Duyên Anh vì Xóm Lầy này là nơi định cư của một ông họa sĩ kiêm nhà văn, kiêm sĩ quan quân lực VNCH ngày trước. Nhân vật "*nhiều tài*" này đã gán cho Duyên Anh cái tội "*làm ăng-ten trong tù*". Lời tố cáo ghê gớm và tai hại ấy theo lẽ cần phải được kèm theo thật nhiều bằng chứng càng cụ thể càng tốt để chứng tỏ rằng người tố cáo là người đáng tin cậy.

Trên đường tìm sự thật về vụ này, tôi đã chỉ thấy sự lặp lại lời tố cáo mơ hồ ấy, trong khi bằng chứng khác về chính người tố cáo thì lại quá hiển nhiên, vì chính người tố cáo đã tự nhận. Nhân vật nhiều tài ấy thản nhiên khai với bạn bè rằng trong tù cộng sản, ông ta đã ngoạn ngoạn hàng ngày vẽ "*chân dung Hồ Chủ Tịch*" theo lệnh của cán bộ cộng sản, và vẽ rất đẹp, rất cần cù...

Cựu bộ trưởng quốc phòng thời Ngô Đình Diệm là Trần Trung Dung ngồi tù cộng sản đã bị chúng xúm vào sỉ nhục ông thậm tệ chưa từng thấy khi chúng bắt gặp ông ăn trộm một miếng cơm cháy. Ở vùng đất tự do, không một người Việt tị nạn nào nỡ

mở miệng chê trách ông Dung là đã sa đọa chỉ ví một miếng cơm cháy. Kẽ được sống nhớn nhỡ tại xứ tự do lúc nào cũng dễ ăn, dễ nói, và càng dễ khất khe với những người đang bị xiềng xích ngày đêm. Và vu cáo người vắng mặt ở xa lại càng dễ dàng...

Sau khi không thể tìm được một bằng chứng cụ thể nào về lời tố cáo đầy ác ý nhằm vào nhà văn Duyên Anh, và nhìn vào các hoạt động phi thường của ông ta tại Âu Châu kể từ khi ông ta định cư tại Pháp cho đến nay, tôi đã tìm được lời giải thích trong một lời răn dạy của Nhà Phật: *hơn người khác là một cái tội*, và vì Duyên Anh đã từng hơn nhiều người khác trước năm 1975, nay lại càng hơn nhiều người khác nữa thì tội của ông ta thật là lớn!

Tháng giêng năm 1987, tôi được đọc nguyệt báo Ngày Nay, xuất bản tại Wichita, tiểu bang Kansas, số 1-87, bài "Đi Lại Từ Đầu" của Duyên Anh. Cũng nên ghi rằng nguyệt báo này là tờ báo đầu tiên của người Việt hải ngoại đã biết tôn vinh nỗ lực quốc tế vận của Duyên Anh. Bài báo ấy có đoạn viết:

*"Ripault chẳng hề có Ripault trong đồng nghiệp của tôi lưu vong bên Mỹ. Người ta đã cố tình không nói tới những tác phẩm mới xuất bản của tôi, cố tình dìm tôi xuống. Tệ hại hơn, người ta còn toa rập với âm mưu đê tiện để bêu nhục tôi. Người ta định cô lập tôi. Người ta sợ hãi tôi. Rốt cuộc, người ta đã chỉ làm mất phẩm cách của chính mình, vẫn còn độc giả yêu tôi. Vẫn còn Nam Á Paris trả tác quyền thật cao cho sách của tôi. Vẫn còn nhiều nhà xuất bản bên Mỹ muốn in sách của tôi. Hôm nay, tôi lại kiếm thêm con đường mới. Lúc nào và ở đâu, tôi cũng lừng lững đi. Ít nhất, tôi đã thoát kinh rạch, tôi ra khơi trước những kẻ muốn chọc thủng thuyền của tôi. Ít nhất, tôi đã có Jean Mais, có Ghislain Ripault, và đã đưa tác phẩm của tôi vào Belfond, một nhà xuất bản lừng danh ở Paris, ở Pháp, ở Âu Châu, ở thế giới. Trước đây, tôi không có tham vọng văn chương. Bây giờ, tôi thềm nổi tiếng, mong mọi nổi tiếng, càng nổi tiếng sớm càng tốt. **Để tôi có tiếng nói đẹp để tranh đấu cho sự giải thoát dân tộc và tổ quốc tôi.** Tôi tin tưởng nhiều nhà văn tài năng khác sẽ ra khơi luận văn chương với quốc tế, và giúp ích thiết thực cho quê hương Việt Nam. Giai đoạn múa bơi chèo, tranh con tôm, con tép trong kinh rạch cần chấm dứt. **Phải ra khơi biết mặt trùng dương.** Ra khơi xong, hoàn tất sứ mạng văn nghệ sĩ Việt Nam hải ngoại xong, tôi lại về kinh rạch quê hương tôi".*

Và trong cuốn "Quán Trọ Trước cổng Thiên Đường" của Duyên Anh, xuất bản cuối năm 1986, ông ta đã nêu ra một lời chính khí có thể tạm coi như là một thứ **Kinh Lưu Vong** cho người Việt tị nạn trên thế giới: "*Sợ mưa nắng quê người phai nhòa lời son sắt nên ta phải dùng gang thép giải tỏ hoài bão phục quốc của ta: Ta đi chiến đấu cho dân tộc, không đi xin bố thí tự do "*

Bên câu **Kinh Lưu Vong** thật thắm thía này, Duyên Anh còn gửi tới những người cầm bút Việt lưu vong lời nhắn thẳng thắn:

"Những bước đi mới của tôi, dẫu kém cỏi và vụng dại, nhưng đủ xác định bốn phận của nhà văn với dân tộc y, với thời đại y. Đi không chẳng lẽ lại về không, giấy Mỹ tốt, mực Mỹ tốt, máy in Mỹ tốt, không viết nổi nữa thì đi tìm tự do làm cái gì? Văn hữu anh bị nhốt kỹ trong tù ngục quê nhà, bị cấm viết ngoài đời, vẫn âm thầm viết đây. Còn anh, anh nhớn nhỡ ở thế giới tự do, anh không viết, nay mai anh về giải phóng dân tộc, anh về tay không à? Hay anh về với những câu chuyện múa gậy vườn hoang? Hay về với những mẩu bài tán tụng ca sĩ kiếm rượu? Tôi nghĩ rất thô thiển: Nhà văn có tự do tuyệt đối mà không viết tác phẩm thì hoặc là bất tài, hoặc là lười biếng. Cả hai trường hợp, anh đáng kể như đồ

bỏ. Và anh đừng nhận anh là nhà văn nữa. Và sự liêm sỉ tối thiểu độc giả đòi hỏi là anh nên lặng lẽ rút vào bóng tối một cách khiêm tốn."

Sự thật từ năm 1984 cho tới nay chứng tỏ rằng "những bước đi mới" của Duyên Anh không kém cỏi, không vụng dại. Những bước đi ấy đã làm đẹp mặt cho người tị nạn VN trước mắt cộng đồng quốc tế, và làm đẹp hai chữ Việt Nam. Những thành tích lẫy lừng ấy đã được giới chính trị và văn hóa quốc tế tại Âu Châu tôn vinh, và nhiều người trong hai giới ấy đã dành cho Duyên Anh sự ngưỡng mộ và giúp đỡ tận tình. Ripault là một nhà văn, nhà báo lớn của Pháp. Ông ta chưa hề biết Duyên Anh trước khi Duyên Anh tị nạn tại Pháp. Nhưng sau khi được nghe trình bày về đóng góp tư tưởng của Duyên Anh cho khối người Việt hải ngoại, Ripault đã mau lẹ tự nguyện trở thành một trong những người bạn ngoại quốc chí thiết của Duyên Anh.

Trong khi thế giới bên ngoài thăng trầm ca ngợi và tôn vinh các nỗ lực tư tưởng phi thường của Duyên Anh thì đa số trong giới cầm bút Việt lưu vong lại ngậm miệng. Một vài kẻ có viết về Duyên Anh thì chỉ viết cộc lốc vài hàng giới thiệu, gần như vô lợi vô hại. Không có gì phải ngạc nhiên vì tình trạng ấy: nó lại một lần nữa xác nhận cái truyền thống bần tiện và đố kỵ của đám đa số cầm bút Việt, đầu là ở trong nước hay đang ở cảnh lưu vong. Cái đa số nghèo nàn về tâm hồn, cần cỗi về tư tưởng và hèn nhát ấy đã vội vàng nắm lấy những lời vu cáo mơ hồ đầy ác ý kia, dùng làm lá chắn để trút hết những đố kỵ của họ chất chứa vì sự nghiệp văn chương hiển hách của Duyên Anh, và cũng để che đậy cho sự bất lực, bất lương và bất tài của đám đa số ấy nữa.

Tôi cảm thấy tủi nhục cho giới cầm bút người Việt lưu vong khi Duyên Anh viết là "*không hề có Ripault trong đồng nghiệp của tôi lưu vong bên Mỹ.*" Tôi không nuôi hoài bão trở thành một Ripault Việt Nam của Duyên Anh, vì tự biết mình chỉ là một kẻ tị nạn cầm bút hèn mọn. Tôi đã bắn khoản chờ những người bạn rất thân của Duyên Anh, nhất là những bạn rất thân trong giới cầm bút, lên tiếng để dẹp tan những lời vu cáo vu vơ kia, đồng thời, lên tiếng để trả lại cho Duyên Anh chỗ đứng cao quý trong khối người Việt hải ngoại, vì tôi chỉ mới là một trong những người bạn của Duyên Anh, chưa được là người bạn thân nhất. Duyên Anh đã có nhiều bạn.

Sự im lặng đáng kết án của những người bạn rất thân của Duyên Anh trong giới cầm bút đã thôi thúc tôi ra khỏi sự dè dặt để mạnh dạn viết cuốn sách nhỏ bé này. Để đạt một mục tiêu nhỏ bé: mang lại cho Duyên Anh một chút an ủi để trong khi một mình tả xung hữu đột trên mặt trận quốc tế vận bao la, ông ta sẽ nghĩ rằng tuy các bệnh hèn nhát, đố kỵ, bần tiện và dốt nát đang ngự trị trên giới cầm bút và giới trí thức Việt lưu vong; nhưng vẫn còn có người lương thiện và can đảm, lương thiện để thăng trầm tôn vinh các đóng góp tư tưởng siêu việt của ông ta, và can đảm để hiên ngang viết ra sự tôn vinh ấy.

California, Hoa Kỳ
Tháng 10 năm 1987
Phạm Kim Vinh

Phần II:

DUYÊN ANH và MẶT TRẬN QUỐC TẾ VẬN

Sự lựa chọn chiến trường là yếu tố định đoạt hơn phân nửa kết quả cuộc chiến quốc-tế-vận. Duyên Anh đã cho thấy sự khôn ngoan của ông ta khi lựa nước Pháp làm nơi định cư cùng với gia đình sau khi ông ta thoát khỏi đấng địa ngục trần gian Việt Nam. Nếu Duyên Anh chọn đi Mỹ thì hầu như chắc chắn ông ta sẽ bị bó tay, và cuốn sách hèn mọn này sẽ không có lý do để ra đời.

Duyên Anh chưa từng sống một ngày nào ở đất Mỹ, nhưng ông ta đã có sự phân xét sâu sắc khi phát biểu về cá tính của nước Mỹ và của dân tộc Mỹ trong cuốn "*Quán Trọ Trước cổng Thiên Đường*".

"... Việt Cộng bán hài cốt GI (danh từ phổ thông trong Anh ngữ để gọi quân nhân Mỹ) cho chính phủ Mỹ thì giá cắt cổ. Đấy, ngài Ted Kennedy đem sang Hà-nội hai cái Boeing, và chỉ dùng một cái chở ba bộ xương lính Mỹ về nước, một cái...tặng Việt Cộng. Việt Cộng luôn luôn sáng giá. Rốt cuộc, đứa nào là kẻ thù của Mỹ, đứa ấy được kính nể. Đứa nào là bạn của Mỹ, đứa ấy bị chơi xỏ. Đứa nào là đấng tở của Mỹ, đứa ấy bị chết thảm, bị bỏ rơi tàn nhẫn."

Sau năm 1975, thế giới có bốn vùng tập trung đông đảo người tị nạn VN là Mỹ, Âu Châu (đông nhất là Pháp), Úc Châu và Canada. Phần đầu của sách này đã chứng minh rằng người tị nạn VN tại Úc và Canada đã đạt được những thành tích đáng kể trên mặt trận chính trị chống cộng, làm xoay chuyển thái độ của dân bản xứ đối với cộng sản Hà-nội, nhưng đó mới chỉ là những thành tích cục bộ và ngắn hạn. Số lượng người Việt tại hai vùng ấy không đông đảo nên người ta không thể chờ đợi những thành tích quốc-tế-vận lớn lao.

Còn lại để so sánh là Châu Mỹ và Châu Âu. Nhận xét chua cay trên đây của nhà văn Duyên Anh sẽ làm cho người ta không ngạc nhiên nữa trước thành tích quốc-tế-vận nghèo nàn của khối người tị nạn VN trên đất Mỹ.

Nếu không thể làm cho thế giới bên ngoài xúc động và kính nể vì sự liên lạc mật thiết giữa người ở hải ngoại và quân kháng chiến đích danh trong nước thì người Việt lưu vong chỉ còn có tư tưởng là khí giới để tạo sự kính nể nơi người ngoại quốc. Về bề ngoài thì khối người tị nạn VN tại Mỹ làm cho người ta dễ tin rằng khối người ấy chắc chắn phải thành công về mặt tư tưởng để đạt được sự kính nể, do đó, tạo được sự ủng hộ hoặc sự yểm trợ ít ra về mặt tinh thần của nhân dân Mỹ. Người viết sách này cũng có khuynh hướng tin tưởng như vậy trong mấy năm đầu của cuộc di cư, sau khi tình cờ được đi chung chuyến tàu mang tên là American Challenge, trên đó, có cả một đạo quân "văn nghệ sĩ" gồm trên một ngàn người của miền nam tự do. Tàu này ra khỏi đảo Phú Quốc đêm 1 tháng 5 năm 1975. Chỉ ba năm sau khi tới đất Mỹ, tôi đã thấy sự tin tưởng của nhiều người vào quý vị "văn nghệ sĩ" tự do kia là sự tin tưởng hoài công. Họ đã làm gì thì đã được Duyên Anh ghi tụy văn tắt nhưng đầy đủ ở đoạn cuối của phần đầu sách này rồi.

Đó là chưa kể còn hàng ngàn nhà đại trí thức, khoa bảng đầy mình khác định cư rải rác tại nhiều tiểu bang của nước Mỹ. Tôi đã cố gắng tìm tòi, nhờ người cung cấp dữ kiện về thành tích vận động quốc tế của đạo quân đại trí thức ấy, nhưng kết quả thật nản lòng.

Trước hết, nên thẳng thắn nhìn nhận rằng kết quả nản lòng này một phần lớn do chính cường quốc Mỹ gây ra. Người ta còn nhớ mùa hè năm 1975, khi đợt sóng tị nạn

VN đầu tiên đặt chân lên đất Mỹ, những tờ báo lớn của người Mỹ đã cho chạy hàng tít lớn một vài nhận xét mà các tờ báo ấy mặc nhiên coi như phản ảnh dân tộc tính của Mỹ, cái nước Mỹ vẫn thường tự hào là hào hiệp, nhân đức và quảng đại, tượng trưng bằng tượng Nữ Thần Tự Do ở ngoài khơi hải cảng New York. Có hai nhận xét được ghi lại ở đây vì nó phản ảnh thực chất của người Mỹ qua tấm bình phong nhân đức. Nhận xét thứ nhất của một phụ nữ Mỹ thuộc tiểu bang Kansas: "*Kansas lạnh lắm, tôi mong người Việt Nam qua đây sưng phổi chết hết.*" Nhận xét thứ hai của một dân biểu đơn vị tiểu bang California về những người tị nạn VN: "*Đó là những rác rưởi từ bên kia Thái Bình Dương trôi dạt tới.*"

Duyên Anh đã nói quá đúng khi nhận xét rằng nước Mỹ không có chỗ đứng cho đồng minh của Mỹ. Đồng minh nam VN nhỏ bé đã bị cường quốc Mỹ hết sức khinh miệt ngay từ trước năm 1975. Khi đồng minh nhỏ bé ấy thất trận thì sự khinh miệt ấy càng gia tăng. Sau khi lớp người tị nạn VN đầu tiên tới California, một vài tờ báo lớn của tiểu bang này đã tiên đoán rằng đám người tị nạn này sẽ chẳng có ý chí để tranh đấu gì nữa cho quê hương của họ, vì đám ấy chỉ gồm những thư ký làm công cho người Mỹ tại VN trước năm 1975, và một số là gái điếm cho Mỹ.

Khi nước Mỹ đổ vào VN hàng tỷ mỹ kim chiến phí và viện trợ, nhiều người Việt ở miền Nam đã tự nuôi bằng hai ảo tưởng nã nề. Ảo tưởng thứ nhất là "*nước Mỹ sẽ không bao giờ bỏ rơi chúng ta.*" Đây không phải chỉ là ảo tưởng của người bình dân nam VN. Một ông giáo sư chính trị học kiêm lãnh tụ một đảng quốc gia to lớn, lại còn từng được phong là cố vấn cho chính phủ Thiệu tại "hội nghị bốn bên" ở Paris năm 1972-1973, đã có lần anh dũng nói với các môn sinh của ông ta tại Sài Gòn rằng "*nước Mỹ không bao giờ bỏ rơi chúng ta.*" Ảo tưởng thứ hai là miền nam VN thật quan trọng đối với nước Mỹ và dân Mỹ. Sau này, người ta mới khám phá rằng đa số học sinh và sinh viên Mỹ chỉ nghe nói nhưng không biết Sài Gòn ở đâu, nước Việt Nam nằm ở nơi nào trên địa cầu!

Bên cạnh sự khinh miệt ấy, còn có một khía cạnh tâm lý tệ hại hơn nhiều. Mỗi người tị nạn VN trên đất Mỹ là một sự nhắc nhở ô nhục cho sự thất trận đầu tiên trong lịch sử lập quốc của người Mỹ.

Trôi dạt tới nước Mỹ, nhiều người tị nạn VN lại vẫn tự nuôi bằng nhiều huyền thoại về nước Mỹ. Đáng kể nhất là huyền thoại "cơ hội đồng đều cho mọi người," huyền thoại mọi sự đều được giải quyết theo "nguyên tắc dân chủ," và huyền thoại "nước Mỹ tích cực chống cộng."

Những quân nhân Mỹ chiến đấu tại VN là những nhân chứng tốt nhất để cho thế giới bên ngoài thấy thực chất của nguyên tắc "cơ hội đồng đều". Là công dân tốt, những quân nhân này đã ngoan ngoãn nhập ngũ, ngoan ngoãn lên máy bay hoặc lên tàu tới chiến trường Việt Nam chiến đấu giúp dân tộc nhỏ bé VN tự vệ và giúp dân tộc ấy gìn giữ tự do vì sự giúp đỡ ấy là truyền thống hào hiệp của cường quốc Mỹ. Hết nhiệm kỳ một năm, người lính Mỹ hồi hương. 24 giờ sau khi đặt chân về đất mẹ, những người lính này đã phải đâm đầu vào cuộc chạy đua đi kiếm việc làm, nếu họ không muốn chịu sự nhục nhã ngửa tay xin trợ cấp xã hội tạm thời. Khi đi kiếm việc làm, những quân nhân này chỉ có kinh nghiệm chiến trường từ VN mang về, và nguyên tắc cơ hội đồng đều đã làm cho họ rất bất lợi khi đám chủ nhân so sánh họ với những ứng viên không phải là quân nhân. Cơ hội đồng đều ở đây đã biến thành một trò hề.

Có nhiều quân nhân Mỹ khi từ VN trở về đã tự tử, một số khác mắc bệnh thác loạn vì bị xử sở họ, đồng bào họ đãi ngộ tồi tệ. Sách này chỉ cần nêu ra một trường hợp tự tử để chứng minh nguyên tắc cơ hội đồng đều là trò giả dối thật ghê tởm.

Ngày 8 tháng 6 năm 1984, cựu quân nhân Mỹ Ronald James Beck đi vào một phòng nhỏ trong căn nhà của anh ta tại thị trấn Gardena, phía nam tiểu bang California, ngậm đầu khẩu súng trường vào mồm mình rồi bóp cò. Anh ta chết ngay tại chỗ. Beck chết lúc được 37 tuổi. Beck đã chiến đấu tại Việt Nam ba nhiệm kỳ, và khi anh ta hồi hương lần thứ hai vào năm 1972, anh ta có ba anh dũng bội tinh, hai chiến thương bội tinh và chùng mười lăm thứ huy chương chiến trận khác nữa.

Beck quyết định tự kết liễu đời mình sau khi cơ quan quản trị Cựu Chiến Binh Mỹ từ chối không cấp ngân khoản trợ cấp cho anh ta vì "lầm lẫn giấy tờ hành chánh!" Beck đã nhiều lần trình bày với cơ quan trên với cơ quan trên rằng anh ta xứng đáng được hưởng trợ cấp tàn phế 100%, và một giấy chứng nhận của y sĩ liên hệ có thẩm quyền khẳng định rằng anh ta không thể làm việc được, vì thân thể anh ta chịu những sự đau đớn nhức nhối làm cho anh ta bị thất nghiệp từ năm 1980. Luật sư James B. Sanborn, đại diện cho gia đình của Beck nói cho báo chí biết rằng cơ quan liên hệ không chịu đài thọ chi phí để Beck giải phẫu xương sống, nên anh ta phải ráng tự lo việc ấy! Cơ quan kia thì cứ lượng định mức độ tàn phế của anh một cách kỳ cục, nay cho tăng mức độ, mai giảm xuống cho đến khi anh ta chịu không nổi nữa vì quá thất vọng. Sự thất vọng lên tới cùng cực vào đầu năm 1984, khi cơ quan quản trị cựu chiến binh gửi cho anh ta một lá thư nói rằng anh ta đã "lãnh lầm" số tiền 1,798 Mỹ kim, và rằng anh ta sẽ không được lãnh trợ cấp hàng tháng 535 Mỹ kim cho đến khi anh ta hoàn trả đầy đủ số tiền lãnh lầm nói trên. Beck đã đến tận cơ quan để giải thích rằng anh ta không lãnh lầm số tiền nói trên, và cơ quan này sau đó nhìn nhận rằng đó chính là sự sai lầm kế toán của cơ quan ấy. Tuy nhìn nhận như vậy nhưng cơ quan này lại không chịu gửi chi phiếu trợ cấp tháng 5 cho anh ta, trong khi anh ta lại phải đi nằm nhà thương để giải phẫu xương sống lần thứ ba. Tháng sáu trôi qua cũng không có tấm chi phiếu hàng tháng nữa.

Beck để lại một lá thư từ biệt trên đầu giường cho người vợ, đại ý nói rất giản dị là anh ta sẽ giúp gia đình anh ta bớt cực khổ nếu bớt đi miệng ăn của anh ta. Cái chết của Beck cho thấy trị giá một quân nhân Mỹ không bằng ngân khoản 1.798 Mỹ kim.

Nhiều người tị nạn VN đã thẩm thía nguyên tắc cơ hội đồng đều khi họ tranh đua kiếm việc làm với người bản xứ. Hình hài họ đã thua kém xa dân bản xứ ngay từ cái nhìn đầu tiên của đám chủ nhân tài phiệt. Rồi đến kinh nghiệm, - làm thế nào mà một người tị nạn VN vừa từ chân trời Á Châu chết chóc mịt mù tới Mỹ lại có nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp bằng một người Mỹ sinh ra trên đất Mỹ, - rồi đến ngôn ngữ, rồi đến học vấn, bằng cấp v.v... Cơ hội đồng đều còn được biểu diễn dưới hình thức "tuyển chọn theo nguyên tắc dân chủ." Một số người được mời tham gia một ủy ban hay một hội đồng, nói là để tuyển chọn. Cũng có thủ tục xét đơn, phỏng vấn từng ứng viên. Sau cùng, một người sẽ được hội đồng lựa. Trong bản tin hoặc phúc trình, xí nghiệp hoặc cơ quan tuyển chọn sẽ kết luận rằng ứng viên được chọn đã loại được các ứng viên khác "sau một cuộc tuyển lựa rất dân chủ." Sẽ không bao giờ có ai dám vạch trần mặt trái bì ối của trò lựa chọn dân chủ ấy: giới chủ nhân lựa một số bồ bịch vào ngòi đó phỏng vấn. Các ứng viên khác trong thực tế đã chỉ làm cái vai trò "lót đường" cho một ứng viên đã được giới chủ nhân lựa chọn từ trước!

Vì cứ tự nuôi bằng nhiều ảo tưởng nên nhiều người tị nạn VN không thấm nhuần được tính chất con buôn trong chính trị Mỹ và sự ngu xuẩn cũng như đại dột trong giới lãnh đạo Mỹ. Người ta cứ tưởng rằng kể ra những trong chính trị Mỹ và sự ngu xuẩn cũng như đại dột trong giới lãnh đạo Mỹ. Người ta cứ tưởng rằng kể ra những nỗi khổ cực của dân tộc VN dưới ách cộng sản thì sẽ làm cho nước Mỹ mũi lòng mà tuyệt giao ngay với khối cộng sản. Ngay khi chiến tranh VN còn đẫm máu thì khối

lượng mậu dịch giữa nước Mỹ và khối cộng sản không hề giảm. Nước Mỹ đều đều bán cho đế quốc Sô Viết các kiến thức kỹ thuật tối tân nhất. Người Nga đã ngạo nghễ dùng các kỹ thuật ấy để chế tạo vũ khí mới, canh tân vũ khí cũ, hầu có phương tiện hữu hiệu hơn nữa để nô lệ hóa các dân tộc khác. Mỗi khi đế quốc Sô Viết gặp khó khăn kinh tế thì nước Mỹ dẫn đầu thế giới tự do để giúp đỡ đế quốc ấy ra khỏi những khó khăn nội bộ. Và bây giờ thì cái quốc hội Mỹ do đảng Dân Chủ thao túng đang làm cho chính quyền Reagan lung lay vì chính quyền ấy đã dám tiếp tục viện trợ cho kháng chiến quân Nicaragua chống cộng, mặc dầu các nước tự do trên thế giới không thể nào tìm được lời giải thích tại sao quốc hội ấy cấp ngân khoản lớn gấp hai ngân khoản do Reagan xin cho kháng chiến quân Afghanistan, nhưng quốc hội ấy lại không muốn viện trợ cho kháng chiến quân Nicaragua.

Một viên tướng lưu vong của quân lực VNCH vì quá hăng say chống cộng nên đã viết bài đăng trên báo tố cáo một cơ sở thương mại người Việt tại nơi định cư của ông ta là tay sai cho cộng sản. Bọn tay sai kia không làm ồn ào để phản công. Chúng biết rằng chúng được luật pháp Mỹ che chở nên đã vào đơn thưa viên tướng chống cộng kia. Tòa xử cho bọn tay sai cộng sản đại thắng, viên tướng kia bị phạt vạ gần năm chục ngàn Mỹ kim. Đồng bào của viên tướng ấy biết rằng cơ sở kia thân cộng nhưng đồng bào tiếp tục lui tới để mua sắm. Đến khi viên tướng kia bị phạt vạ, đồng bào không có hành động gì để giúp ông ta. Những mẩu truyện về đường lối chống cộng kiểu Mỹ và về chiến lược chống cộng thất bại của nước Mỹ còn rất nhiều...

Cứ nghe nói rằng nước Mỹ đổ vào nam VN hàng trăm tỷ Mỹ kim để tài trợ cuộc chiến giúp nam VN chống cộng thì rất nhiều người tị nạn VN có khuynh hướng tin rằng "xin được viện trợ" của nước Mỹ rất dễ. Họ đã có hàng ngàn cơ hội kiểm chứng xem sự tin tưởng ấy đúng hay sai. Từ năm 1975 cho tới 1979, cơ quan hữu trách về người tị nạn VN tại Mỹ đã cấp ngân khoản để thực hiện dự án nói là nghiên cứu khía cạnh tinh thần và tâm lý của người tị nạn VN. Sau khi dự án được chấp thuận, ngân khoản được cấp, người ta mới nhận ra rằng những kẻ điều khiển sự thực hiện dự án ấy đều là mấy người Mỹ gốc Tàu. Người tị nạn VN có một bác sĩ đầy đủ khả năng để điều khiển dự án là Trần Minh Tùng thì chỉ được tặng cho cái chức "tham khảo viên", còn một số người tị nạn khác thì chỉ được dùng làm quân chạy cờ và thư ký. Một vài nhóm người tị nạn VN đã "trúng thầu" một vài dự án khác do người Mỹ đề ra, nói là để nghiên cứu đời sống người tị nạn Đông Nam Á. Những người trúng thầu này không hiểu rằng khi họ nộp phúc trình của họ lên các quan thầy Mỹ là họ đã nộp luôn cả cách chỉ đường cho người Mỹ đối phó với đồng bào của họ. Chỉ bỏ ra một ngân khoản nhỏ giọt mà nước Mỹ đã thu về được những bản nghiên cứu rất công phu để đối phó với những người tị nạn VN về nhiều phương diện...

Trên đây là tóm tắt cách giúp đỡ của nước Mỹ cho người tị nạn VN chống cộng. Mặt khác, chính thái độ và tác phong của một số người tị nạn VN đã làm cho thế giới bên ngoài gia tăng sự khinh thường người tị nạn VN. Có hai hành động mà một số người tị nạn VN đã làm, và hí hửng yên trí rằng đó là thành tích nặng như núi Thái Sơn. Thứ nhất là trò chơi gửi kháng thư cho Liên Hiệp Quốc. Trong thực tế, những người gửi kháng thư đã chỉ gặp có người gác cửa trụ sở LHQ, trao kháng thư cho hẳn rồi hiên ngang ra về, anh dũng tuyên bố với "báo chí Việt ngữ" rằng họ đã long trọng trao kháng thư cho Tổng Thư Ký của LHQ. Thành tích thứ hai phổ thông hơn nhiều, là trò "gửi thư cho tổng thống Mỹ." Có hàng trăm người tị nạn VN khoe rằng họ đã gửi hàng chục lá thư lên cho tổng thống Mỹ để khuyến cáo ông ta làm điều này, đừng làm điều kia. Có lẽ từ khi nam Việt Nam sụp đổ vào năm 1975 tới nay, Reagan là người nhận được nhiều thư của người tị nạn VN nhất. Có thể vì người tị nạn ấy tin

tưởng mạnh mẽ rằng Reagan là người quyết liệt chống cộng. Sự thật đáng buồn hơn nhiều. Reagan có một thư ký chuyên nhận và trả lời các thư từ, sách, báo cáo nơi gửi cho Reagan, ông ta đã cho in sẵn lá thư cảm tạ trả lời, kèm theo bức hình Reagan có chữ ký của ông ta in sẵn trên đó. Bất cứ ai gửi thư, tặng sách, báo cho Reagan cũng đương nhiên nhận được một lá thư cảm ơn mang chữ ký của Reagan, kèm theo một bức hình Reagan có chữ ký của ông ta.

Người tị nạn VN tại Mỹ đã mặc nhiên chia vùng nước Mỹ làm hai. Những kẻ sở trường tài lừa bịp đồng bào dưới lốt kháng chiến để moi tiền của đồng bào tập trung ở miền tây, còn những kẻ gọi là trí thức, khoa bảng đa số tập trung ở phía đông nước Mỹ. Tại phía đông nước Mỹ có trụ sở của tổ chức Liên Hiệp Quốc. Thế mà trong suốt mười một năm qua, không thấy một nhà đại trí thức nào, không thấy một "văn hào", "thi hào" nào của người Việt lưu vong chứng tỏ có khả năng trí tuệ để làm cho người Mỹ và nước Mỹ kính nể. Đã không được kính nể thì hi vọng gì vận động được sự yểm trợ, đầu là tượng trưng của thế giới bên ngoài?

Ngay cả lãnh vực gọi là văn hóa cũng chỉ làm cho những người tị nạn VN nào còn tự trọng và liêm sỉ cảm thấy tủ nhục cho kiếp lưu vong. Hàng ngũ chúng ta có những kẻ xun xoe, khom lưng van xin một vài ngàn khoản nhỏ giọt của nước bạn Mỹ, nói là để "giới thiệu văn hóa VN." Tác phẩm hay dự án của đám ấy không bao giờ vắng bóng một hay nhiều bài nhắm mắt xưng tụng nước Mỹ như thần thánh, như Thiên Đường của Hạ Giới. Trong đám hành khất văn hóa này, còn có kẻ vừa nhận tiền của người Mỹ, lại vừa làm thứ năm vùng cho bạo quyền Hà-nội. Thí dụ rõ nhất là một cái gọi là tuyển tập, giới thiệu một vài bài văn, thơ của miền Nam VN trước năm 1975, nhưng sau đó, lại giới thiệu luôn cả một số bài thơ, văn của những tên văn nô của Hà-nội.

Làm sao quên được kẻ len được vào đại học Yale của miền đông nước Mỹ dưới lốt hội nhập văn hóa và phát huy văn hóa VN tại xứ người? Tên này hằng say viết thư đi cho các tác giả tị nạn VN, các nhà xuất bản tị nạn VN để khuyến khích họ nên "gửi tặng sách, báo cho đại học Yale." Có phải tên này sợ rằng nước Mỹ bỏ tiền ra mua sách, báo của người tị nạn VN thì sẽ kiệt quệ kinh tế? Một suy luận khác của người tị nạn thì quyết liệt hơn khi kết luận rằng tên kia khuyến khích như vậy chỉ vì hẳn đang làm đúng vai trò của một tên nô bộc văn hóa.

Quên sao được một nhà văn, kiêm nhà báo, kiêm nhà giáo tung hoành tại một trại tị nạn phía đông nước Mỹ. Đồng bào trong trại căm phẫn vì cơ quan thiện nguyện đầu thầu đã ăn chặn tiền trợ cấp của mỗi đầu người tị nạn. Đồng bào phản kháng. Nhà văn hóa kia đã đích thân đi dán truyền đơn và bích chương nhục mạ đồng bào về tội đã dám chống lại cơ quan thiện nguyện kia. Nhà văn hóa lỗi lạc kia đã được các quan thầy tưởng thưởng bằng ân huệ cho ra trại sớm, giới thiệu một người bảo trợ tốt, cấp học bổng cho học đại học của Mỹ, và ban cho một số ân huệ khác nữa.

Chưa đầy hai ngày sau khi con tàu American Challenge của Mỹ từ đảo Phú Quốc cập bến đảo Guam, một nhạc sĩ có hạng trong đạo quân "văn nghệ sĩ" trên tàu đã sáng tác bản nhạc tựa là "Xin Chọn Nơi Này Làm Quê Hương" rồi hát rất hăng hái để cổ vũ văn hóa Lê Chiêu Thống...

Biết trước là sẽ có lúc, nước Mỹ thiết lập quan hệ bình thường với bạo quyền Hà-nội, việc đáng phải làm đối với những người Việt cầm bút, đối với những người gọi là trí thức, khoa bảng Việt tại Mỹ là sớm biên khảo, sáng tác sách, báo ngoại ngữ để lấp khoảng trống to lớn từ nhiều năm trước khi có sự sụp đổ của Nam VN năm 1975. Khoảng trống ấy rất rõ rệt tại bốn môi trường: thư viện công cộng, đại học, thị trường sách báo đại chúng Mỹ và truyền thanh, truyền hình. Công cuộc ấy sẽ chặn trước được các mưu toan của Hà-nội mon men dùng văn hóa đi bước trước để van xin viện

trợ Mỹ, rồi tiến tới sự van xin thừa nhận ngoại giao. Chỉ cần một đội bóng bàn, một toán thể thao, một đoàn "văn công", một gánh xiếc là Hà- nội có thể gây được sự chú ý và luôn cả cảm tình của người dân Mỹ. Khối người tị nạn VN tại Mỹ đã làm gì để chặn trước các nguy cơ đó từ trên mười một năm nay? Một đám cầm bút thì khoe khoang xác láo, tâng bốc lẫn nhau trong khi không có khả năng dùng mặt trận tư tưởng để tạo sự kính nể của người bản xứ, còn một đám trí thức khoa bảng thì đây mình nhát sợ, lên tiếng đòi người Mỹ giúp thì sợ mất sở làm, sợ thất sủng, lên tiếng kết án Hà-nội để người Mỹ hiểu rõ sự thật về Việt Nam ngày nay thì sợ nguy cho bà con ở quê nhà. Đa số trong hàng ngũ cầm bút và trí thức Việt lưu vong đã dẫn đầu thế giới về tài phách lối trong sự ngu dốt và tài khiếp nhược cầu an.

Trong gần mười hai năm lưu vong tại Mỹ, chỉ mới thấy có một trường hợp cố gắng lên tiếng bằng ngoại ngữ để tạo ảnh hưởng đến dư luận Mỹ, đầu rằng chỉ mới là thứ ảnh hưởng rất hạn hẹp. Đó là trường hợp của ông Nguyễn Văn Canh, tổng thư ký của trường Đại học Luật, Viện Đại Học Sài Gòn trước năm 1975. Hẳn là ông Canh đã phải kiên trì lắm mới vận động được để đại học Stanford ở California chấp nhận cho ông ta làm "một học giả thăm viếng", người viết sách này dịch một cách quê mùa từ từ ngữ Mỹ "visiting scholar". Trong thời gian "thăm viếng" có được thù lao của ông ta tại đại học Stanford, ông Canh đã hoàn thành cuốn sách đầu tiên bằng Anh ngữ, viết về nước Việt Nam sau năm 1975 dưới chế độ cộng sản. Dĩ nhiên đó là một cuốn sách chống cộng. Nhưng ông ta đã phải chịu nhiều sự chi phối và gò bó của chính trị kiểu Mỹ. Theo lời của luật sư Đinh Thạch Bích, chủ nhiệm nguyệt báo Việt Nam Hải Ngoại thì ông Canh hoàn thành cuốn sách ấy với số trang trên 500. Nhưng những người Mỹ bảo trợ nhất định chỉ chịu in nếu cuốn sách ấy dày 300 trang, chưa kể một vài chương hoặc nhiều chương, nhiều trang phải trình bày theo quan niệm chống cộng của người Mỹ. Thôi thì cũng cứ vui mừng là một học giả Việt lưu vong đã cho ra đời được một tác phẩm biên khảo công phu bằng ngoại ngữ. Thoạt đầu, đại học Stanford chỉ in có vài trăm bản cho sách của ông Canh. Rất lâu về sau, sách của ông ta mới được in dưới hình thức sách bìa cứng trang trọng. Nhưng sự hạn hẹp vẫn còn, vì sách ấy do một cơ sở xuất bản đại học ấn hành. Xuất bản dưới hình thức ấy thì tính cách phổ thông của sách sẽ giảm đi rất nhiều vì độc giả đại chúng của Mỹ chỉ quen mua sách do những nhà xuất bản thật lớn ở phía đông nước Mỹ ấn hành, như Harper & Row, Simon & Schuster v.v...

Giữa năm 1986, nhà Simon & Schuster tại New York phát hành cuốn "The Vietnamese Gulag" của Đoàn Văn Toại, bìa sách ghi là hẵn viết cùng với David Chanoff (một tên Mỹ vừa lấy được bằng tiến sĩ về Anh ngữ và về Văn Chương Mỹ). Sách in thật đẹp và đồ sộ. Không hiểu tên tay sai cộng sản hạng C như Toại vận động thế nào mà hẵn được một vài tên dân biểu và nghị sĩ Mỹ cho mượn một phòng của trụ sở quốc hội Mỹ để tổ chức buổi ra mắt giới thiệu cuốn sách của hẵn. Một nhóm người, có thể gồm cả Mỹ và Việt, tự nhận là ủy ban yểm trợ tên Toại, đã gửi thư đi nhiều nơi mời một số người Việt và Mỹ tới trụ sở quốc hội Mỹ dự buổi lễ nói trên. Mặc dầu đã rất nhiều lần dùng những từ ngữ tàn nhẫn nhất để lên án tội tay sai cho Việt Cộng của Đoàn Văn Toại, thế mà người viết sách này cũng vẫn nhận được của tên gian hùng tập sự ấy một bản của cuốn sách "The Vietnamese Gulag". Vì sách in đẹp, trình bày trang trọng, bìa cứng, bao ngoài, theo tiêu chuẩn sách quốc tế, rất có nhiều hi vọng là các thư viện công cộng và đại học Mỹ sẽ ồ ạt đặt mua sách của Toại. Uy tín của nhà xuất bản là một yếu tố thuận lợi khác cho Toại. Rồi đây, con cháu chúng ta, khi tìm sách tham khảo tại đại học, tại thư viện Mỹ, sẽ phải dùng sách của Đoàn Văn Toại để viết về vấn đề Việt Nam. Đoàn Văn Toại, kẻ đã đắc lực trong suốt chiến tranh

VN hò hét với dư luận thế giới bên ngoài để mạt sát cuộc chiến tự vệ của miền Nam VN, kể sau năm 1975 chỉ ngồi tù cộng sản một thời gian tượng trưng, thời gian quá ngắn mà theo lời của nhân chứng kiêm nhà văn Duyên Anh, “ngắn quá đến nỗi nó chưa kịp sinh bệnh ghê lở”, nay là kẻ được nước bạn Mỹ nâng đỡ và đưa lên hàng lý thuyết gia chống cộng, kiêm một thứ “chuyên gia phân tách” các vấn đề Đông Nam Á... Đó là sự đả ngộ của nước Mỹ dành cho kẻ thù cũ và đồng minh cũ.

Vì bối cảnh trên đây, vì tinh thần trên đây của đám đông cầm bút và đám đông trí thức nên khối người tị nạn VN tại Mỹ đã luôn luôn ở thế cúi mặt. Không có gì để phải ngạc nhiên khi người ta nhận ra rằng trước khi nhà văn Duyên Anh tìm được tự do tại Pháp cuối năm 1983, một vài hoạt động quốc-tế-vận khả dĩ gây được sự chú ý và thiện cảm của cộng đồng quốc tế đều phát xuất từ một vài cá nhân, một vài phe nhóm người tị nạn VN định cư tại Âu Châu.

Sau sự lựa chọn địa thế làm chiến trường, nhà văn Duyên Anh phải lựa chọn khí giới để mở mặt trận quốc-tế-vận.

Nói đến hai chữ “khí giới” với người tị nạn thì nghe thật là mỉa mai, vì người tị nạn chính trị theo định nghĩa chỉ còn có cái xác vật vờ trôi dạt tại xứ người. Nhưng chính hoàn cảnh ấy sẽ làm nổi bật khí phách và tài năng của người tị nạn để chiến đấu cho quê hương mình. Đây là một trong vài lãnh vực làm cho người tương đối vô tư và lương thiện nhận ra được sự khác biệt vô cùng to lớn giữa nhà văn Duyên Anh và đám đông cầm bút, đám đông trí thức trong khối người Việt lưu vong. Để hiểu một phần kích thích của những khó khăn trước mắt Duyên Anh khi ông ta chấp nhận một mình xông xáo vào thế trận quốc-tế-vận, người ta nên đối chiếu hoàn cảnh của Duyên Anh với hoàn cảnh của hai nhân vật lưu vong tầm vóc quốc tế là Aleksandr Solzhenitsyn và Vladimir.

Cả hai nhân vật vừa kể đều là người Nga. Thực ra, họ không phải là người tị nạn mà là những người bị chính quyền cộng sản tại Nga buộc phải ra nước ngoài. Ngoài sự khác biệt lớn ấy, còn hai sự khác biệt khác, quan trọng hơn nhiều. Thứ nhất là quê hương của hai người ấy không lâm vào cảnh quốc phá gia vong. Thứ hai, dầu quê hương của họ ở dưới thời phong kiến của Nga Hoàng hay phải sống dưới ách cộng sản, nước Nga vẫn là một đại cường quốc. Bây giờ, nước Nga đã có sức mạnh quân sự ngang với nước Mỹ, - chưa kể là về một vài phương diện của quân sự, người Nga đã qua mặt người Mỹ, - và về kỷ luật trong nước, dầu người ta có đầy đủ lý do để lên án chính quyền Xô Viết là độc tài khát máu, nhưng vẫn không thể chối cãi rằng người dân Nga hiểu mau hơn người dân Mỹ thế nào là sức mạnh của kỷ luật quốc gia, và đó là điều thiết yếu để rèn tinh thần yêu nước cho người dân Nga. Ngày nay, thế giới bên ngoài có thể thấy rõ rằng người dân Mỹ hèn nhát hơn người dân Nga một cách không cần chứng minh.

Vì Nga là một đại cường quốc nên tiếng nói của người Nga được thế giới nể sợ, dầu rằng tiếng nói đó là của một người Nga lưu vong. Câu nói của cổ nhân ta “Miệng nhà sang có gang có thép” áp dụng thật đúng cho Solzhenitsyn và Bukovsky.

Qua những điều đối chiếu trên đây, thế giới tự do đã dành cho Solzhenitsyn và Bukovsky những sự ưu đãi chưa bao giờ được ban cho những người tị nạn chính trị đích danh. Nếu hai nhân vật ấy có điểm nào tạm gọi là bình đẳng với nhà văn Duyên Anh thì đó là điểm cả hai đều đã bị cộng sản nhốt tù nhiều năm, và bị hành hạ, đây

đọa không kém gì sự hành hạ và đầy đọa mà cộng sản Hà-nội đã dành cho Duyên Anh. Sự giống nhau chỉ có một điểm tương đối đó.

Khó khăn lớn nhất của Duyên Anh là làm sao cho *tiếng nói của một người tị nạn thuộc về một tiểu quốc lại có thể không những gây được sự chú ý của cộng đồng quốc tế, mà còn phải làm cho cộng đồng ấy kính nể nữa*. Để đạt được mục tiêu khủng khiếp ấy, Duyên Anh chỉ có hai bàn tay trắng và những đau thương chồng chất của những năm ngục tù cộng sản, chồng chất lên những năm uất nghẹn dưới một chính quyền quân phiệt đạo tặc ở miền Nam VN. Có thể nói nếu Solzhenitsyn và Bukovsky là người Việt lưu vong thì cả hai chưa chắc đã làm được những gì mà Duyên Anh làm được từ 1984 cho tới nay. Những năm tù ngục, cộng với hàng chục năm suy tư, bây giờ lại thêm sự chứng kiến những bất hạnh của tự do nơi đồng bào của ông ta tại xứ người đã làm cho Duyên Anh hiểu vai trò của ông ta trong đời sống lưu vong. Đó là vai trò sứ giả tự nguyện để làm cho thế giới hiểu rằng dân tộc Việt Nam vẫn còn một điều gì đáng để cho nhân loại kính phục hơn là những kinh nghiệm chém giết tương tàn trong ba thập niên. Để thi hành đặc lực vai trò cao cả nhưng cũng rất bạc bẽo ấy, Duyên Anh chỉ có một khối óc và một ngòi bút. Để chinh phục thiện cảm và sự kính nể của hàng trăm triệu người phục thiện cảm và sự kính nể của hàng trăm triệu người ngoại quốc.

*

Trong cái thế trận quốc-tế-vận này, uy tín cá nhân của người vận động có tầm quan trọng không thể chối cãi. Về phương diện này, Duyên Anh đã vượt xa các người cầm bút khác của miền nam VN tự do. Không phải thế giới bên ngoài chỉ biết đến Duyên Anh sau khi ông ta bị nhà cầm quyền Hà-nội nhốt tù một năm sau khi cộng sản chiếm được miền nam. Một nhà văn, nhà báo xuất bản được tới năm chục tác phẩm lớn nhỏ, trong số đó, bốn tác phẩm đã được chuyển thành phim nhất định không thể là một người xa lạ với thế giới bên ngoài. Cho nên khi hay tin Duyên Anh bị giam giữ, hai trong các tổ chức quốc tế gần gũi với giới cầm bút là Ân xá Quốc Tế và Văn Bút Quốc Tế đã hoạt động ngay để cứu ông ta. Cần nhắc lại ở đây nguyên tắc làm việc căn bản của tổ chức Ân xá Quốc Tế. Tổ chức này có trụ sở chính tại thủ đô Anh quốc. Tuy tổ chức này có chi nhánh ở một số quốc gia, nhưng sự lựa chọn do trung ương tại London quyết định, để mang lại vô tư cho sự lựa chọn ấy. Tuy tổ chức này cũng như tổ chức Văn Bút Quốc Tế, đã can thiệp cho nhiều người cầm bút trên thế giới đang bị các chính quyền độc tài hành hạ, nhưng để sự can thiệp có hiệu quả chắc chắn, thường thường, hai tổ chức ấy tập trung nỗ lực mỗi đợt vào một cá nhân người cầm bút. Đối với trường hợp giới cầm bút Việt Nam sau năm 1975, rõ rệt là hai tổ chức vừa kể đã lựa trường hợp của Duyên Anh.

Nhà cầm quyền Hà-nội tuyên bố với báo chí rằng Duyên Anh được thả vì "chính sách khoan hồng" của Hà-nội, nhưng không ai có thể chối cãi rằng sự trả tự do ấy đã diễn ra vì áp lực nặng nề của Ân xá Quốc Tế và của Văn Bút Quốc Tế. Người ta chưa quên rằng thoát đầu, khi hai tổ chức ấy gửi văn thư hỏi nhà cầm quyền Hà-nội thì hai tổ chức ấy được trả lời là Duyên Anh đã chết. Các thân nhân của Duyên Anh không nản chí nên đã kiên trì cung cấp dữ kiện cụ thể để thế giới bên ngoài tiếp tục làm áp lực với Hà-nội. Trong tiến trình làm áp lực từ bên ngoài, yếu tố uy tín của Duyên Anh từ trước năm 1975 đã giúp rất nhiều để hai tổ chức quốc tế dựa vào đó thuyết phục Hà-nội trả tự do cho Duyên Anh.

Như đã viết ở đoạn trên, Duyên Anh rất khôn ngoan và nhìn xa, khi lựa Âu Châu làm nơi định cư cùng với gia đình của ông ta. Nhìn vào sự đãi ngộ mà Âu Châu dành cho Duyên Anh, người ta thấy rằng sự ước tính đường dài của Duyên Anh rất đúng.

Có thể suy đoán rằng trong giai đoạn đầu, Duyên Anh cần lập một đầu cầu thiết yếu để đưa tiếng nói của ông ta vào quần chúng Âu Châu trước đã. Khi tiếng nói ấy đã có sức mạnh đáng kể rồi thì Duyên Anh sẽ đưa tiếng nói ấy đi tới các lục địa khác.

Muốn lập được đầu cầu chiến lược nói trên, cần có **uy tín, khí phách và tài năng**. Trong giới cầm bút lưu vong, kể như Duyên Anh là người Việt lưu vong duy nhất có được cả ba điều cần thiết sinh sử ấy. Ba điều này gắn chặt lấy nhau, và có tác dụng ảnh hưởng lẫn nhau. Thí dụ rõ nhất đã được chứng minh ở đoạn trên, nghĩa là về uy tín, khí phách và tài năng của giới cầm bút Việt lưu vong tại Mỹ. Người Mỹ và nước Mỹ có những lý do chẳng cao cả gì để cản, để ếm không cho giới cầm bút Việt lưu vong tại Mỹ ngóc đầu lên. Nhưng nếu khối người tị nạn VN tại Mỹ hiểu được rằng chỉ có viện trợ của người Việt cho người Việt là thứ viện trợ cao quý nhất, khối người ấy vẫn có thể phá vỡ được bức tường kỳ thị và tiểu nhân do người Mỹ dựng lên. Nhưng còn quan trọng hơn cả sự hiểu biết của quần chúng tị nạn tại Mỹ chính là sự tự trọng và gìn giữ khí phách của người cầm bút Việt lưu vong. Sau mười một năm lưu vong, chúng ta đã chỉ thấy những sự cúi mặt của một số người nhận ân huệ nhỏ giọt của người Mỹ. Ngoài phương cách van xin ngân khoản của người Mỹ, giới cầm bút Việt lưu vong tại Mỹ không có khả năng tự tạo uy tín để giữ được khí phách người Việt. Nhiều người cầm bút lưu vong tại Mỹ đã phải bỏ nghề cũ, và tìm một nghề hoàn toàn xa lạ với việc cầm bút để sống cho qua ngày. Đó là "cơ hội đồng đều cho mọi người" mà nước Mỹ vẫn khoe với thế giới. Một số ít còn muốn viết thì cúi mặt nhận thù lao chết đói do những kẻ có tiền bạc nhưng thiếu lương tâm chức nghiệp ban cho.

Tại Mỹ, giai cấp văn hóa nô bộc phát triển mạnh hơn bất cứ nơi nào có người tị nạn VN trên hành tinh này. Chiến thuật thông thường nhất của giai cấp này là "mang văn hóa Việt vào làm phong phú cho văn hóa đa chủng của mầu quốc." Để chứng minh cách dùng khoản tiền tặng, giai cấp văn hóa nô bộc này lâu lâu lại in một vài tài liệu song ngữ, nói lời mờ đến văn hóa Việt Nam, đồng thời, ồn ào ca tụng mầu quốc. Giai cấp này thường mang tác phẩm Kim Vân Kiều của thi hào Nguyễn Du ra làm bình phong. Người ta đã thi đua dịch thi phẩm ấy ra ngoại ngữ, làm như thể là văn chương Việt Nam chỉ có Kim Vân Kiều là tác phẩm duy nhất có giá trị. Trong khối hai trăm ba chục triệu người dân Mỹ, có chừng bao nhiêu người Mỹ tha thiết muốn tìm hiểu Nguyễn Du là ai, Kim Vân Kiều là tác phẩm có giá trị như thế nào? Trong khi đó, mười một năm trôi qua rất nhanh mà giới văn hóa lưu vong nô bộc không thực hiện nổi được một cuốn sách nào bằng Anh ngữ để văn tắt giới thiệu những nét căn bản của văn hóa Việt Nam. Trong những dịp họp mặt đông đảo của người Việt và người Mỹ trên đất Mỹ, rõ ràng là những người Mỹ hiện diện chỉ mong nhận được một tập sách nhỏ, viết giản dị để giới thiệu ngắn và gọn thế nào là văn hóa Việt Nam, nhất là làm sao trong vài chục trang giấy nhỏ ấy, người soạn sách có thể giúp người Mỹ hiểu ngay sự khác biệt căn bản giữa văn hóa Việt và văn hóa Mỹ.

Bên cạnh giai cấp văn hóa nô bộc vừa kể, phải nói tới một phó sản cực kỳ ô nhục cho người Việt lưu vong tại Mỹ. Phó sản ấy là bọn đạo tặc văn hóa, chuyên ăn cướp công lao của người cầm bút. Không phải chỉ có những người cầm bút vắng mặt mới bị chúng ăn cướp. Ngay cả những tác giả đã có mặt tại Mỹ, tại Pháp... cũng vẫn bị chúng chặn cướp công trình tư tưởng. Bọn đạo tặc văn hóa này có biệt tài vừa đánh trống, vừa ăn cướp. Chúng đăng lời nhắn trên báo chí để tìm những người Việt nào có mang theo được những cuốn sách, truyện Việt ngữ xuất bản tại Nam VN trước năm 1975. Chúng "hỏi mượn" đồng bào những cuốn sách ấy, trả công mượn là vài chục Mỹ kim cho mỗi cuốn. Chúng in lại mỗi cuốn thành cả trăm ngàn bản rồi phát hành khắp nơi. Nhà văn Mai Thảo chỉ ở cách trụ sở của bọn đạo tặc văn hóa có vài ngàn

thước, nhưng chúng rất thản nhiên và ngạo nghễ tiếp tục in lậu các tác phẩm cũ của ông ta. Tại Pháp, khi được chính quyền Pháp cấp cho quyền tị nạn chính trị tại Pháp, việc đầu tiên của nhà văn Duyên Anh là đi tới một tiệm sách ở khu phố 13 (khu phố đông đảo người Việt nhất) để "mua" một vài cuốn sách của ông ta xuất bản tại Việt Nam trước năm 1975. Các thân hữu của Duyên Anh trong tổ chức Ân xá Quốc tế và Văn Bút Quốc tế đã chứng kiến hình ảnh "*Duyên Anh phải mua sách của mình do bọn ăn cướp in lậu bán ngổn ngang...!*"

Bọn đạo tặc văn hóa đã có sẵn câu trả lời khi bị lên án là ăn cướp công lao của giới cầm bút. Chúng tự bào chữa rằng "các tác phẩm ấy không được đăng ký tại Quốc Hội Mỹ nên ai muốn in lại cũng được." Trước năm 1975, nam VN là một quốc gia có đầy đủ chủ quyền. Không một người Việt nào yêu nước lại dự trù có cảnh nước mất nhà tan diễn ra quá mau vào mùa xuân năm 1975. Hơn nữa, sách xuất bản tại Việt Nam để cho người Việt đọc và nghiên cứu, tại sao lại phải đăng ký tại cơ quan thẩm quyền của một quốc gia khác? Có một giới người Việt có thể tranh đấu được để đòi tác quyền cho những tác giả bị ăn cướp là giới tiêu thụ của người tị nạn VN. Nói một cách lạc quan thì theo lẽ, giới tiêu thụ này phải biết tình trạng ăn cướp công lao mà nhiều tác giả đã lên tiếng than phiền. Nhưng họ biết mà không có hành động gì, vì sợ khó, sợ mất thời giờ, sợ bị bọn đạo tặc văn hóa trả thù bằng cách chửi bới, vu cáo trên mặt báo... Đó là phản ứng của đám đông quần chúng tị nạn VN tại Mỹ. Đám đông ấy rất bình thản hưởng thụ, và mỗi khi nào cần đến một chút hi sinh hoặc một chút dấn thân thì đám đông ấy lặng lẽ lùi vào bóng tối. Đó là thứ dân tộc tính mới mà người tị nạn VN đã mang ra khỏi nước sau cuộc đổi đời năm 1975.

Phó sản thứ hai làm cho người Việt lưu vong nhục nhã không kém bọn đạo tặc văn hóa là giới côn đồ cầm bút chuyên chửi thuê, vu cáo mướn. Bọn này làm ăn phát đạt nhất trong những năm từ 1979 đến 1984 là những năm mà bọn lưu manh đội lốt Mặt Trận Kháng Chiến moi tiền của đồng bào. Nhìn lại con đường mà cái gọi là "làng báo Việt ngữ hải ngoại" tại Mỹ đã đi từ 1975 cho tới nay, người ta thấy làng báo ấy đã tự sa đọa tới ba lần.

– Đợt sa đọa thứ nhất diễn ra khi xuất hiện trò làm "báo biểu." Không thể có một lý do nào đứng vững để biện minh cho cách làm báo này. Mỗi tuần, tại các chợ Việt hay chợ Tàu ở những vùng đông đảo người tị nạn VN, người ta lại được xem một cảnh đau lòng: người đi chợ qua lại tấp nập, khi nhìn thấy một chõng báo nằm ngổn ngang dưới đất, gần lối đi, người ta cúi xuống lượm vài tờ. Nếu được thông báo là phải trả tiền, đầu chỉ là vài chục xu thì người đi chợ sẽ liệng xuống và không lấy báo nữa. Nhiều tờ báo quá túng đói nên đã đi tới mức thấp nhất của sự nhục nhã để van xin quảng cáo. Có tờ báo tự ý đăng quảng cáo rồi mang tờ quảng cáo ấy đi đòi tiền. Đó là hình thức tống tiền và ăn cướp không hơn không kém. Còn những tờ báo đã xin được quảng cáo thì đã trải qua những ngày rất dài đứng chầu chực ở cơ sở thương mại để đòi tiền quảng cáo. Các cơ sở thương mại đã có thói quen coi những người đi đòi tiền quảng cáo không bằng loại gia súc. Các nước văn minh trên thế giới không có hình thức làm báo hành khất này. Đó là chưa kể hình thức "báo biểu" sa đọa ấy là môi trường rất thuận tiện để quảng cáo cho cơ sở kinh tài và tuyên truyền của cộng sản nằm vùng.

– Đợt sa đọa thứ hai của làng báo Việt ngữ tại Mỹ diễn ra khi tổ chức lừa bịp đội lốt Mặt Trận Kháng Chiến ra đời. Vì ham chút ân huệ con con, và vì khiếm nhược, hầu hết làng báo ấy đã đặc lực đồng lõa với bọn lưu manh. Vì có đám báo chí này thổi phồng vụ lừa bịp đội lốt kháng chiến nên số nạn nhân đã gia tăng rất mau. Các nạn nhân này đã hăng hái cúng tiền cho bọn buôn bán lòng yêu nước chống cộng của

đồng bào. Tội ác của đám đông báo chí Việt ngữ ở đợt sa đọa thứ hai này còn trầm trọng hơn đợt sa đọa thứ nhất, vì rằng theo chỉ thị của tập đoàn lãnh đạo bọn ăn cướp đội lốt kháng chiến, đám côn đồ cầm bút đã dùng ngôn ngữ hạ cấp nhất, thủ đoạn đê tiện nhất để vu cáo và làm nhục những người Việt nào không chịu ủng hộ bọn lưu manh vì những người ấy đã sớm nhận rõ bộ mặt trộm cướp của chúng. Mừng nhất là chính quyền Hà-nội vì đám báo chí kia đã đặc lực giúp Hà-nội làm nản lòng một số đông người Việt quốc gia có khả năng và thiện chí.

– Đợt sa đọa thứ ba diễn ra sau khi chính bọn lưu manh đội lốt kháng chiến tự tố cáo lẫn nhau là lừa bịp đồng bào. Mặc dầu chính bọn lưu manh đã thú nhận tội lỗi bằng cách tố cáo lẫn nhau nhưng người ta cũng vẫn không thấy cái đám báo chí kia có lời nào để tạ tội với đồng bào. Ở một vài nơi xa xôi ngoài nước Mỹ bây giờ vẫn còn thấy một vài tờ báo Việt ngữ tiếp tục quảng cáo các trò làm tiền kiểu mới của dư đảng bọn lưu manh đội lốt kháng chiến.

Chưa có lúc nào, người ta muốn nghĩ rằng làng báo của người Việt lưu vong lại chứa quá nhiều kẻ khiếm nhục và hạ cấp đến như vậy. Đây là thời kỳ nhục nhã nhất cho làng báo Việt Nam.

Có nhìn thấy sự sa đọa của số đông người cầm bút Việt lưu vong, có nhìn thấy sự khiếm nhục của số đông trí thức Việt lưu vong, người ta mới hiểu rõ tính cách phi thường trong hoạt động của Duyên Anh để tự lực và một mình chiến đấu trên mặt trận quốc-tế-vận trong cái thế bảo toàn được sự tự trọng, nhân phẩm và khí phách của một người cầm bút Việt Nam ý thức được sứ mạng của mình tại xứ người.

Nhà Nam Á tại Pháp đáng được ca ngợi vì đã có công phổ biến các tác phẩm mới của Duyên Anh để tư tưởng của ông ta đến được độc giả và đồng bào Việt khắp nơi trên thế giới. Chỉ mới chưa đầy ba năm, từ khi Duyên Anh định cư tại Pháp vào cuối năm 1983, Nhà Nam Á đã xuất bản 7 ấn phẩm mới của Duyên Anh. Hầu hết những ấn phẩm này đều là cáo trạng lên án bạo quyền cộng sản, và mang tính chất thông điệp gửi cho người Việt hải ngoại để nhắc nhở họ về quê hương đau khổ, và thân phận đồng bào của họ tại Việt Nam.

"*Thơ Từ Duyên Anh*" là những bài thơ viết bằng suy tư mệt mỏi, ghi trong đầu óc (cộng sản cấm cả việc dùng ngòi bút trong tù) sau 2190 đêm già ngục đá. Đó là những bài thơ của hạnh phúc bất hạnh và bất hạnh hạnh phúc, những bài thơ của đáy đời và của ngọn trời. Hai chục bài trích trong tập thơ này đã được tác giả đọc tại Théâtre Action trong mùa Thơ Quốc Tế năm 1986 tổ chức tại thành phố Grenoble, Pháp.

"*Sỏi Đá Ngậm Ngùi*" là cuốn tiểu thuyết mới của Duyên Anh viết về thân phận đàn bà, con gái Việt Nam trong các ngục tù, trại tập trung của cộng sản tại Việt Nam. Đó là bản tình ca rục rĩ về nhân bản, là tiếng hát trời dậy từ miền đất thống khổ. Và hoa nhân ái nở rộ trên còng Mỹ, khóa Liên Xô cho một nền văn minh mới.

"*Bầy Sư Tử Lãng Mạn*" là trường ca bất hủ về Chiến Đấu, về Hạnh Phúc, về Ước Mơ và về Giải Phóng Dân Tộc, được hợp ca bởi 28 giọng sư tử dưới hầm đá trại Đầm Đùn. Đây là truyện thật về 28 chiến sĩ phi thường, biểu tượng của tuổi trẻ Việt Nam ở lại chống cộng sau năm 1975.

"*Một Người Tên Là Trần Văn Bá*" là một cuốn tiểu thuyết khác của Duyên Anh ghi nhận tư tưởng chiến đấu tuyệt vời của Tuổi Trẻ Việt Nam hôm nay, sự ngạo nghễ và niềm tin trong dẫn thân đích thực đã làm lay động lương tri dân tộc và nhân loại. Đó là cuốn sách ghi nhận nhiệt tình của tuổi trẻ quốc ngoại và cuộc cách mạng Tây Sơn mới trên quê hương Việt Nam đau khổ.

Cuốn sách này chỉ muốn ghi nhận hoạt động quốc-tế-vận của Duyên Anh, nhưng vì đang viết về các ấn phẩm của Duyên Anh tại hải ngoại nên cũng xin ghi ở đây về

cuốn "*Hôn Em Ký Niệm*", tuyển tập 36 ca khúc của Duyên Anh. Đây là sự phối hợp tuyệt bích giữa Thơ và Nhạc được thực hiện bởi hình ảnh Việt Nam, bởi lãng mạn Việt Nam, bởi đau thương Việt Nam, bởi tình tự Việt Nam.

Ngoài sức sáng tác mau lẹ phi thường về văn và thơ, Duyên Anh còn làm cho mọi người kinh ngạc trong thích thú khi người ta biết rằng ông ta đã viết tới 140 nhạc khúc, một số đã được thâu vào băng để phổ biến. Càng biết thêm những khả năng đặc biệt của Duyên Anh, người viết sách này càng vững tin rằng những kẻ thù ghét Duyên Anh đều là những kẻ đã bị ông ta bỏ quá xa về phía sau.

Cuốn "*Một Người Nga ở Sài Gòn*" phát hành giữa năm 1986 là cuốn tiểu thuyết bán chạy nhất của cộng đồng người Việt hải ngoại. Bốn tháng sau khi phát hành, 2,000 cuốn đã bán hết, và sách ấy đã được tái bản tới lần thứ hai. Đây là tác phẩm văn chương đương thời đầu tiên của Việt Nam được một nhà xuất bản văn chương rất lớn tại Pháp là nhà Belfond xin được chuyển sang Pháp ngữ. Sẽ viết nhiều hơn về cuốn này ở đoạn dưới đây.

Đầu năm 1987, Duyên Anh lại cho phát hành cuốn "*Quán Trọ Trước cổng Thiên Đường*". Từ khi Duyên Anh tìm được tự do, có lẽ đây là cuốn sách của ông làm cho người đọc xúc động nhất vì nó gói ghém thân phận Việt Nam, từ ghen ngào đời bỏ bãi quê hương đến ngậm ngùi trôi dạt viễn xứ. Sách ấy là một câu định nghĩa dài tui nhục, rộng oan khiên, cao thống khổ, sâu đốn đau của thuyền nhân dững cảm trong thời đại khốn cùng. Nó còn là bản trường ca uất nghẹn dài hơn con đường vượt biên của những ai đã ở Pulau Bidong, Pulau Telgah, Palawan, Sikew, Songkla...

Lúc chúng tôi viết xong cuốn sách này thì Duyên Anh đã viết thêm năm cuốn sách nữa. Đó là các cuốn:

- *Đôi Fanta*,
- *Một Người Tù Bình Mỹ tại VN*,
- Bộ hồi ký tù đầy dầy trên một ngàn trang, gồm hai tập, tập đầu dầy 550 trang, tựa là *Nhà Tù*, tập cuối cũng dầy 550 trang tựa là *Trại Tập Trung*.
- *Hồn Say Phấn Lạ* cũng rất đồ sộ.

Cuốn Nhà Tù đã được Nhà xuất bản Xuân Thu tại Hoa Kỳ in xong tháng 10, 1987, và in tiếp tập Trại Tập Trung. Thật là một sức viết phi thường, và một nhịp độ sáng tác chưa từng thấy trong giới cầm bút VN và ngoại quốc nữa.

Người Việt hải ngoại đã được đọc vài cuốn hồi ký viết về đời sống lao tù tại nước VN dưới ách cộng sản sau năm 1975. Các tác giả ấy đều đã cố gắng muốn nói cho thế giới bên ngoài biết hệ thống ngục tù man rợ của bạo quyền Hà-nội. Nhưng có thể nói các cuốn hồi ký ấy chỉ mới diễn tả được một phần của cái xã hội thâu hẹp tức là nhà tù. Và những hồi ký ấy dễ làm cho người đọc mệt óc vì phải đọc những sự lặp lại quá nhiều lần của tác giả về sự tàn ác của bọn cai tù, của bọn cán bộ cộng sản v.v... Hồi ký trình bày như thế mà lại thiếu hẳn phần cảm nghĩ và suy tưởng thì dễ rơi vào trường hợp một cuốn "liệt kê những sự dã man của chính quyền cộng sản tại VN". Đó là chưa kể một điều thông thường mà các tác giả ấy dễ mắc phải: không hiểu vì vô tình hay vì cố ý mà các tác giả ấy đã trình bày hồi ký của mình theo ngôi thứ nhất của văn phạm quá nhiều khiến người đọc có cảm tưởng là tác giả muốn người đọc xem các tác giả ấy như là những dững sĩ!

Duyên Anh thành khẩn nói với độc giả rằng ông ta không có tham vọng ở lại VN để làm "chứng nhân lịch sử", và lại càng không muốn "chết trong tù để thành liệt sĩ", hoặc "ra khỏi tù để thành dững sĩ." Thật thà với chính mình, Duyên Anh viết rõ trong lời tựa của bộ hồi ký rằng không ai thích vào tù. Sát nhân cũng biết sợ tù, và các vĩ nhân cũng sợ tù. Đại đức, linh mục cũng sợ ngôi tù như người trần tục. Các nhà cách

mạng lại càng sợ ngời tù hơn nữa. Cho nên ngục tù không bao giờ có thể được coi là thành tích vĩ đại để khi thoát khỏi nó, người ta vỗ ngực khoe khoang, quảng cáo nó như là một món hàng thương mại, xử dụng nó như một phương tiện bước vào chính trường. Duyên Anh ở lại VN chỉ vì "vùng về trong mưu toan chạy trốn."

Vai trò "nhân chứng lịch sử" là vai trò vĩ đại, và Duyên Anh không hề mong muốn giữ vai trò ấy. ông thẳng thắn và thành khẩn nhìn nhận rằng "Công việc phi thường này dành cho người khác." Và ông ta cũng không có ý định viết hồi ký về những năm tù đầy của ông khi ông trở lại đời sống bình thường.

Tháng 10 năm 1983, Duyên Anh đến Paris như một "thuyền nhân buồn bã." Bạn bè của ông, những người cứu thoát ông khỏi ngục tù cộng sản hay tin ông tới Pháp đã tới thăm, chia nỗi vui mừng thoát hiểm của ông, và đặc biệt là họ hỏi ông rất nhiều về đề lao Gia Định, về Sở Công An, về khám Chí Hòa, về các trại tập trung, và về những hình phạt mà các tù nhân phải chịu đựng từ năm này qua năm khác, có thể là chịu đựng suốt cả một kiếp người. Họ đã hỏi Duyên Anh về những nhà trí thức VN vì đấu tranh cho nhân quyền mà phải tù đầy, phát vãng. Họ hỏi ông về những người cầm bút, những tù nhân tư tưởng của thời đại khốn kiếp của chúng ta.

Duyên Anh bỗng thấy mình có bốn phận phải viết hồi ký. Ông đã thành công thực hiện được điều tâm nguyện của ông: bộ hồi ký của ông không phải chỉ là bản báo cáo nổi khổ lê thê và riêng rẽ về số phận văn nghệ sĩ, trí thức. Nó cũng không phải là những trang ngục sử ca ngợi các vị anh hùng không bao giờ có ở nhà tù cộng sản. Và Duyên Anh đã thành công lột trần được cái thủ thuật gian ác và đê hèn của cộng sản là triệt để khai thác sự yếu đuối của con người, của khủng bố, của đe dọa, đánh vào bao tử con người bằng roi gao để con người khiếp nhược và đê tiện thù hận con người.

Nhà Tù là phần đầu của bộ hồi ký ngục tù, gồm ba phần. Phần thứ nhất là "Cay Đắng Vỡ Lòng" (Sở Công An). Phần hai là "Thống Khổ Nhập Môn" (Đề lao Gia Định), và phần ba là "Đau Thương Chín Răm" (Khám Chí Hòa).

Ngay ở phần "Gọi là Thay Lời Tựa", Duyên Anh đã cho người đọc cái nhìn rất trần tục, rất con người, rất thành khẩn của ông ta về ngục tù. Một cái nhìn hoàn toàn vắng bóng bất cứ một chất lãng mạn nào: *"Nhà tù nào cũng chỉ là một xã hội thu hẹp. Vì nó nhỏ bé nên sinh động vô cùng. Vì người ta quá gần gũi nhau nên nó lột trần muôn mặt. Nó đầy rẫy ti tiện và bẩn thiu. Nó cao thượng và nó thấp hèn. Nó phản phúc đầy tim và nó sắt son đầu lưỡi. Nó đổ kỹ ban đêm và hòa hoãn ban ngày. Nó anh hùng trong bóng tối và nó khiếp nhược ngoài ánh sáng. Nó tạo dựng ngộ nhận, vu khống, chụp mũ và hành hạ lẫn nhau, bởi quan điểm cũ kỹ, bởi lập trường sắt máu, bởi ngu xuẩn, bởi máu lãnh tụ, và bởi cả một liều thuốc lào, một cục đường hay một miếng thịt chia không đồng đều!"*

Duyên Anh cho người đọc một kết luận rất ngắn gọn về nhà tù: *"Nhà tù không dạy con người một bài học cao quý nào cả. Con người đã tự học ở sự tủi nhục, ở nỗi đắng cay trong nhà tù. Để biết chịu đựng. Để biết coi thường tất cả. Để biết thương xót."* Cái phần chót, *"Để biết thương xót"* là điều đã được Duyên Anh thể hiện rõ rệt nhất trong bộ hồi ký của ông ta.

Trong tất cả ba phần của hồi ký *Nhà Tù*, Duyên Anh đều viết về cộng sản, về người quốc gia, về thân phận người Việt trong tranh chấp ý thức hệ Đông Tây, và cảm nghĩ về tương lai dân tộc VN. Trong cả ba phần, lúc nào, tình thương cũng tỏa ra để bao trùm mọi tình cảm khác của tác giả.

Trong Phần I (Cay Đắng Vỡ Lòng), Duyên Anh mang đến cho người đọc những chất liệu thật dồi dào, và cũng thật cay đắng, ông không thấy cần phải ồn ào lên án

bọn cộng sản, có lẽ vì ông nghĩ rằng bọn ấy man rợ đến nỗi người Việt nào cũng đều thấy và biết. Nhưng tác giả lại dùng một kỹ thuật khác để làm lộ rõ bộ mặt phi nhân của cộng sản, cũng như cho thấy rõ sự ngu dại của những kẻ theo đóm ăn tàn, chạy theo cộng sản vào giờ thứ 25. Một vài khuôn mặt được nêu lên, nhưng không phải dưới một bút pháp hận thù. Những kẻ ấy chỉ được nhắc nhở như là những "thí dụ". Sinh viên "tranh đấu" Phạm Hào Quang không được nhà nước cộng sản thưởng công, mặc dầu đã tận tình nắm vùng, tận tình phá hoại chính quyền quốc gia. Rồi cuộc Duyên Anh đã gặp anh ta đi bán vé chai sống qua ngày. Trước đó, Duyên Anh chứng kiến một số những tên nằm vùng lên mặt, cái lên mặt của "những kẻ nằm vùng trúng mồi," nhưng không lên mặt được lâu. Thí dụ như Phạm Hào Quang. Giáo sư "chống Mỹ cứu nước", Trần Tuấn Nhậm cũng được Đảng cảm ơn như đã cảm ơn Phạm Hào Quang, đến nỗi Nhậm chết không có nấm mồ. Nhà văn nằm vùng Vũ Hạnh hằng hái báo cáo các văn nghệ sĩ quốc gia để lập công, đặc biệt là báo cáo về Đoàn Quốc Sỹ, nhưng rồi Hà-nội cũng đã lại gạt Vũ Hạnh sang bên lề khi đã vắt hết trái chanh Vũ Hạnh, về sau, thứ văn nghệ nằm vùng và chó săn ấy đã phải quay ra làm xà-bông lậu, rồi vẫn bị công an phường, khám theo sát làm khó dễ!

Ở một đoạn khác, Duyên Anh nói đến hành động của nhiều kẻ ở lại, cộng tác chặt chẽ với cộng sản rồi sau trốn ra khỏi nước, ồn ào chống cộng. Tác giả chỉ ghi lại hành động khiếm nhược của bọn ấy mà không nở vạch mặt chỉ tên. Ngay cả đến một kẻ gọi là văn nghệ sĩ ở lại, tự ý đi trình diện "học tập", ngoan ngoãn tuân theo mệnh lệnh của cán bộ và cai tù, rồi khi được thả, định cư tại Mỹ đã mở chiến dịch lâu dài để vu oan giá họa cho ông ta, Duyên Anh cũng không nở dùng đến cuốn hồi ký ấy để trả thù. Có đoạn, Duyên Anh còn tận tình bào chữa cho kẻ phản bội và hèn nhát ấy nữa!

Vì quan sát rất kỹ thủ đoạn chia để mà trị của cộng sản, Duyên Anh cho độc giả một sự phân tách về thủ đoạn của cộng sản để đối phó với từng thành phần khác nhau. Và, tuy đại cương hồi ký không dùng lối ồn ào chửi rửa cộng sản, nhưng đoạn văn nào lên án cộng sản thì đoạn ấy chứa đựng những lý lẽ thật quyết liệt và lợi hại, còn hơn những nhát dao của đao phủ. Hãy đọc đoạn ông ta lên án cộng sản bắt giam luôn cả đứa cháu ngoại của nhà văn Chu Tử, mặc dầu hài nhi ấy mới ra đời có ba ngày:

"Con gái Chu Tử và đứa con sơ sinh cũng bị bắt. Mới ra đời có ba ngày đã can tội phản động, theo bố mẹ vào tù... Và nếu thế giới có bi thử chúng ta rằng tại sao nước anh có nhiều tướng lãnh đào ngũ chạy trốn trước lệnh đầu hàng, thế thì chúng ta còn một chỗ dựa vớt vát: nước tôi còn có một vị anh hùng vĩ đại nhất loài người, mới ba ngày đã nằm tù cộng sản."

Nói về thủ đoạn tra tấn vật chất và tinh thần của cộng sản, Duyên Anh dùng một từ ngữ thật độc đáo, nói lên được đầy đủ tính cách cực kỳ dã man của cộng sản khi bắt các tù nhân chính trị ngày đêm phải khai hàng trăm bản "tự khai". Cái lối tra tấn tinh thần ấy được Duyên Anh gọi là "thủ thuật truy nã linh hồn."

Ở Phần Hai (Thống Khổ Nhập Môn), ngoài những đòn tra tấn và hành hạ mà cộng sản thường dùng đối với tù nhân, Duyên Anh viết nhiều về con người quốc gia khi vào tù cộng sản. Nếu ở ngoài đời, Duyên Anh không ham làm một thứ "chứng nhân lịch sử" thì trong tù, ông ta đã là một nhân chứng để mắt thấy, tai nghe nhiều chuyện hèn hạ và ti tiện của tù nhân. Từ những sự mắt thấy tai nghe ấy, tác giả đã gửi bên ngoài nhận xét rất chua chát của ông ta về những kẻ đã bần tiện đến nỗi dùng những ngày sống trong ngục tù để trả thù cá nhân hoặc để thỏa mãn lòng đố kỵ nhỏ nhen:

"Con người rất con người là phải biết sợ bỏ rọ ngâm sông. Thiếu nỗi sợ người đó, con người vô tri giác. Và phê bình nỗi sợ đó, phán xét nỗi sợ đó dành cho

các phán quan Nói Phét ở những nơi bày tỏ sự dũng cảm không bị đánh thuế... Vậy thì chưa kinh qua khổ cùng, nên cảm hòng, chớ nên luận anh hùng hay chụp mũ bừa bãi. Không hề kiếm nổi một anh hùng tù ngục trong ngục tù cộng sản đâu."

Sau khi viết rằng người quốc gia chúng ta không khai thác cái khía cạnh hèn hạ của các lãnh tụ cộng sản khi chúng ngồi tù mà lại chỉ khai thác cái khía cạnh hèn hạ của "chúng ta", Duyên Anh giải phẫu căn bệnh tồi tệ của người quốc gia trong nhà tù:

"Khi nổi khổ kéo dài mòn mỏi, khi sự phú quý đi giạt lùi, con người đâm ra bần tiện, chỉ còn biết nghĩ đến mình. Mọi thù hận lẫn nhau phát xuất từ đó. Anh em nguyện rửa lẫn nhau, nói xấu lẫn nhau, về đời, anh em không quên thù hận, vẫn nguyện rửa nhau, nói xấu nhau, gặp nhau không thèm nhìn mặt."

Từ những suy tư trong nhà tù, Duyên Anh nhìn ra vai trò của người cầm bút trước thiên chức mới, sau khi cộng sản nô-lệ-hóa toàn thể dân tộc VN:

"Thiếu tổ quốc, hình như không có lịch sử, và mọi chuyện đều vá víu tạm bợ. Vậy thì tham vọng văn chương của tôi, bây giờ, là ngày mai của tổ quốc tôi. Muốn có ngày mai của tổ quốc, tôi phải chiến đấu. Văn chương của tôi là văn chương chiến đấu, là tư tưởng dấy động, là chữ nghĩa lên đường, không thể là văn chương chết, là tư tưởng ngồi, là chữ nghĩa nằm. Văn chương ấy phải làm cho thế giới xúc động mà cảm thông nỗi thống khổ của dân tộc tôi."

Rồi Duyên Anh trích dẫn Renarque về vai trò người cầm bút: "Khi thế giới còn những bọn hung tàn vô nhân đạo mà mình biết mình đủ khả năng chống đối, lại không dám chống đối, là mang tội ác."

Trong phần này, Duyên Anh tặng cho bạo quyền Hà-nội một đòn độc khi ông ta cho biết rằng tại đề lao Gia Định từ tháng 7 năm 1976, cộng sản bắt đầu giam giữ hàng ngàn "tù nhân phản động bình dân": nông dân, công nhân, phu nhà đòn, lơ xe đồ, du đấng... Các nhà nghiên cứu chủ nghĩa mác-xít sẽ tha hồ mà bối rối khi biết hiện tượng này, vì các thành phần vừa kể không thể nào bị cộng sản chụp mũ là tay sai "Mỹ-Ngụy" hay là tay sai của CIA!

Duyên Anh khổ cực nhất khi ông ta bị đưa đến Khám Chí Hòa sau khi đã trải qua nhiều tháng tại Đề Lao Gia Định. Rất nhiều suy tư được ghi nhận ở Phần Ba này (Đau Thương Chín Răm). Ở Chí Hòa, bọn cai tù và cán bộ cộng sản còn tàn ác hơn cả ở hai nhà tù trước mà Duyên Anh đã trải qua, nhưng tác giả vẫn giữ được sự bình tĩnh để viết về những thủ đoạn dã man của cộng sản. Có lúc, ông đã dùng một hình ảnh nhẹ nhàng nhưng rất thấm thía để nói lên sự căm hờn của ông đối với cộng sản: ông viết rằng chúng đã để ông "trần truồng đứng trước chân dung Hồ Chủ Tịch" (đây là lúc chúng lột hết quần áo ông ta ra để khám xét!)

Nỗi phẫn uất của Duyên Anh đối với bọn giả vờ yêu nước (ông dùng từ ngữ ấy để nói chung cả bọn cộng sản lẫn bọn đội lốt quốc gia lừa bịp đồng bào) được biểu lộ bằng nhận định đanh thép này:

"Nếu sự chịu đựng đau khổ để tạo dựng ngày mai hạnh phúc thì tôi khẳng định rằng ngày mai hạnh phúc của dân tộc tôi phải do người quê hương tôi tạo dựng ngay trên quê hương tôi. Hạnh phúc của dân tộc tôi không bao giờ ở Mỹ Châu, Âu Châu hay Úc Châu, không bao giờ là những đồng đô-la lạc quyen mập mờ, không bao giờ là những chiến khu thuê rừng đất khách, không bao giờ là vo ve của bọn nặng đầu thần nổi khổ, rao bán nghẹn ngào của dân tộc. Trước hết và sau hết, bọn giả vờ yêu nước chưa đủ kiến thức nghe và hiểu nỗi cô đơn của dân tộc ta. Cả cộng sản lẫn quốc gia."

Lại một lần nữa, Duyên Anh nói đến vai trò người cầm bút Việt Nam trong giai đoạn đau thương này của dân tộc:

"Bốn phận của nhà văn là lay động cái bóng tối u mê phủ kín những tham vọng đê tiện làm què quặt dân tộc, làm u ám quê hương. Người ta đã khước từ cái sứ mạng cầm bút đó. Rốt cuộc, mặt trận mà cộng sản sợ hãi nhất là Mặt Trận Văn Hóa thì hoàn toàn im lặng, thụ động. Thụ động buồn tênh trong cái thế tư tưởng quốc gia đối kháng tư tưởng mác-xít, chủ nghĩa nhân bản đối kháng chủ nghĩa phi nhân."

Thông điệp chói mắt mà Duyên Anh gửi thế giới bên ngoài qua cuốn Nhà Tù là lời nhắn: *"Nhân loại vẫn chưa vỡ lẽ cộng sản đâu. Chúng ta cần giáo dục nhân loại: dưới chế độ cộng sản, sống đã nhục nhã, mà chết càng nhục nhã. Muốn sống không được, muốn chết không được chết!"*

Đối với việc viết những bài báo, truyện ngắn, phiếm luận, truyện hài hước màu đen, Duyên Anh cũng dẫn đầu trong giới cầm bút Việt ở hải ngoại, ông là người cầm bút Việt lưu vong duy nhất được nhà xuất bản Nam Á và được những tờ báo có hân hạnh được ông cộng tác trả tác quyền hoặc nhuận bút cao nhất. Ngòi bút của Duyên Anh không vì những năm tháng tù đầy làm mỗi mệt hoặc giảm nhuệ khí. Trái lại, trong khi những người cầm bút lưu vong khác khốn đốn vì chạy ăn từng bữa thì ngòi bút của Duyên Anh đã mang lại cho ông ta và gia đình ông ta một đời sống đầy đủ, và đáng kể nhất là ngòi bút ấy đã giúp ông ta giữ được nhân phẩm và khí phách. Duyên Anh là trường hợp độc nhất của giới cầm bút lưu vong đã tự mình nuôi được mình bằng ngòi bút một cách hiên ngang.

Trên đây, người viết sách này mới chỉ tóm tắt ghi các đóng góp tư tưởng của Duyên Anh cho người ở lại và cho người Việt đang lưu vong, về khía cạnh này, mới chỉ trong vòng chưa đầy ba năm kể từ khi ông ta bắt đầu cầm bút lại tại Pháp, Duyên Anh đã vượt xa nỗ lực tư tưởng của toàn thể những người cầm bút Việt lưu vong *rải rác khắp nơi trên thế giới cộng lại*.

Thế trận để làm cho người ngoại quốc biết đến người Việt Nam và kính nể người Việt Nam còn nặng nề và khó khăn hơn nhiều. Không như Solzhenitsyn và Bukovsky khởi hành có nhiều lợi thế to lớn ngay từ đầu, Duyên Anh khởi hành ở trận tuyến này ít ra là mang nặng trên vai ba trở ngại thật lớn:

- Thứ nhất, Duyên Anh là một người tị nạn đích danh. Ai cũng biết tiếng nói của người tị nạn ít khi được thế giới bên ngoài thật sự kính nể.
- Thứ hai là xứ sở, quê hương của Duyên Anh là một tiểu nhược quốc.
- Thứ ba, và bất lợi nhất cho sự lên tiếng của Duyên Anh, là xứ sở của ông ta lại còn là một xứ bại trận.

Người ta biết rằng từ khi tìm được tự do, rất nhiều người Việt lưu vong đã lại tìm đọc Duyên Anh, chứng cứ là sách của ông ta bán rất chạy, và những bài báo của ông ta viết rất được thưởng thức. Nhưng đó chỉ là sự thưởng thức tiêu cực của độc giả. Họ rất mến chuộng ngòi bút và tư tưởng của Duyên Anh, nhưng khối độc giả ấy không đóng góp gì được để làm tăng sức mạnh cho Duyên Anh trong lãnh vực dùng khí giới tư tưởng tạo sự kính nể của cộng đồng quốc tế. Và quả thật là Duyên Anh phải chiến đấu một mình trên mặt trận quyết liệt ấy.

Tuy phải chiến đấu một mình trên một mặt trận bao la như vậy, Duyên Anh đã thành công rực rỡ.

Trước hết, hãy nói tới sự thành công về mặt xuất bản. Ở một đoạn trên, người viết sách này đã ca tụng tinh thần hiểu biết và quảng đại của nhiều nhà xuất bản Âu Châu. Nói thế không có nghĩa là họ sẽ nhắm mắt xuất bản bất cứ thứ sách nào do người tị

nạn VN viết và đưa tới. Uy tín thương mại và văn hóa của họ vẫn đòi hỏi những tác phẩm đưa tới phải là những tác phẩm ưu tú không thể chối cãi. Về mặt này, chỉ mới thấy có Duyên Anh là người viết văn duy nhất của khối người Việt lưu vong trên thế giới tạo được sự kính nể nơi giới xuất bản tại Âu Châu.

Tháng 12 năm 1985, qua lời giới thiệu của Ghislain Ripault, một nhà văn của Pháp, nhà xuất bản hạng gộc Belfond của nước Pháp, và luôn cả của Âu Châu nữa, thỏa thuận xuất bản cuốn "*Một Người Nga ở Sài Gòn*" chuyển sang Pháp ngữ dưới tựa "*Un Russe à Saigon*." Sau khi giao kèo về cuốn sách ấy được ký kết, Belfond còn muốn rằng Duyên Anh ký giao kèo xuất bản thêm ít ra là bốn cuốn nữa của Duyên Anh chuyển sang Pháp ngữ trước khi Duyên Anh muốn ký giao kèo với một nhà xuất bản nào khác tại Âu Châu. Tháng 6, 1987, Belfond ký giao kèo với Duyên Anh để xuất bản cuốn *La Colline de Fanta*. Sau cuốn này, còn ba cuốn khác nữa của Duyên Anh sẽ do Belfond xuất bản là các cuốn *Des Chiens et Des Hommes*, *L'Herbe du Souvenir* và *Les Eurasians*.

Nhà Belfond chính thức thông báo cho Duyên Anh biết kết quả ba tháng đầu tiên phát hành cuốn "*Un Russe à Saigon*". Từ tháng 9, 1986 đến tháng 1/1987, nhà Belfond đã tiêu thụ được tới 50% tổng số cuốn "*Un Russe à Saigon*" chỉ riêng tại nước Pháp, chưa kể số tiêu thụ tại các quốc gia nói tiếng Pháp.

Tập thơ *Poèmes de Prison* của Duyên Anh trước đây đã được xuất bản tại Pháp thì nay lại được nhà xuất bản Caux tại Thụy Sĩ in lần thứ hai.

Tại sao nhà xuất bản Belfond in sách của Duyên Anh? Belfond là nhà xuất bản rất lớn của Pháp chuyên in các tác phẩm xuất sắc nhất của các nhà văn ngoại quốc lỗi lạc hiện có mặt tại Pháp, hoặc từ quốc gia nguyên xứ của họ gửi tới cho nhà Belfond. Rõ rệt là phần tư tưởng của Duyên Anh trong cuốn "*Un Russe à Saigon*", cũng như tư tưởng của Duyên Anh được báo chí Pháp và Âu Châu đề cao đã chinh phục được nhà Belfond. Ta hãy vẫn tắt đi phần tư tưởng ấy qua ba cuốn sách của Duyên Anh đã và đang được chuyển sang Pháp ngữ là cuốn "*Một Người Nga ở Sài Gòn*", cuốn "*Một Người Tù Bình Mỹ tại Việt Nam*" và cuốn "*Đồi Fanta*".

"*Một Người Nga ở Sài Gòn*" là một truyện tình, một truyện tình rất thông thường: một chuyên viên kỹ thuật của đế quốc Sô Viết phục vụ tại nước Việt Nam cộng sản sau năm 1975 say mê một cô gái Việt chống cộng cùng mình, và cô gái này đã ngồi tù nhiều năm trong nhà tù của bạo quyền Hà-nội. Đây là một chủ đề táo bạo mà chỉ có Duyên Anh mới dám khai thác.

Vai nữ chính là Quỳnh Đào, con của một gia đình quyết liệt chống cộng. Sau tháng 4 năm 1975, Quỳnh Đào bị cộng sản bắt giam. Trong thời gian cô ta ngồi tù thì gia đình của cô đã tìm cách trốn khỏi Việt Nam bằng đường biển nhưng không thoát nên đã chết hết. Còn lại một mình, cô thường ra ngồi ở bãi biển Vũng Tàu để suy tư, và cô đã gặp vai chính nam là Dimitri Chostakovich tại đây.

Dimitri nói tiếng Việt rất giỏi, nhưng tài ngôn ngữ ấy không giúp anh ta chinh phục được cô gái Việt cứng đầu kia. Mọi dấu vết bề ngoài đều cho thấy hai người ấy không thể nào trở thành một cặp tình nhân. Quỳnh Đào rất hiên ngang, tự tin và nhiều tự ái. Tuy cha mẹ cô đã để lại một số vàng bạc do người chú giữ rồi trao lại, nhưng cô ta nhất định không dùng tới số vàng bạc ấy. Cô đi dạy Anh ngữ cho những người sắp vượt biển để sinh sống. Còn một trở ngại khác nữa còn lớn hơn cả tính tình phóng khoáng và ưa độc lập của Quỳnh Đào là cô ta chống cộng rất mãnh liệt. Cô căm thù đế quốc Sô viết và căm thù bạo quyền Hà-nội. Trong khi đó, Dimitri là một công chức cao cấp của Nga, lúc nào cũng ngoan ngoãn tuân theo lệnh của cấp trên. Cấp trên trong truyện này là viên tổng lãnh sự Nga ở Sài Gòn.

Ngòi bút của Duyên Anh bắt đầu hỏi tội đế quốc Sô Viết một cách độc địa khi ông ta viết rằng trong khi chạy theo Quỳnh Đào, Dimitri đã nhiều lần chịu đau đớn và nhục nhã vì những người Nga có mặt tại Sài Gòn. Cùng với Quỳnh Đào, anh ta đã thấy tận mắt cảnh những người Nga bị bắt quả tang ăn cắp đồ của khách sạn, ăn cắp đồ khi mua sắm, và nhiều truyện tội bại khác nữa mà thủ phạm là người Nga. Dimitri thú thật với Quỳnh Đào rằng anh rất nhục nhã khi thấy đồng bào của anh ta phạm tội như vậy. Từ chỗ tò mò tìm hiểu, dần dần, Quỳnh Đào thấy tội nghiệp cho anh ta, rồi sau cùng, cô đã có cảm tình với anh ta.

Đến đây thì ý-thức-hệ xen vào truyện tình của hai người. Cả hai phía đều không được yên thân. Gia đình ông chú của Quỳnh Đào rất chống cộng nên không thể nào chấp nhận cái cảnh cô cháu gái thân mật vái một tên cố vấn Nga. Người lối xóm cũng nhìn cô ta một cách khinh khi. Họ đã tặng cô ta những tên gọi xấu xa nhất trong ngôn ngữ Việt. Cô ta rất bình thản đón nhận thử thách mới này, vì cô ta đã chịu đựng những thử thách còn ghê gớm hơn nữa trong những năm ngồi tù cộng sản. Nhưng Dimitri thì cực hơn nhiều vì anh ta chưa quen bị cả một guồng máy cộng sản chụp lên đầu ngày đêm. Anh ta bị cấp trên buộc phải lập tờ khai thú tội nhiều lần. Cộng sản Việt ép cô Quỳnh Đào lập tờ khai, cô ta cương quyết không nghe theo. Còn Dimitri thì đã phải làm tờ khai tới lần thứ 42.

Cấp trên của Dimitri nhốt anh ta nhiều ngày rồi sau cùng, cho anh ta cơ hội gặp Quỳnh Đào lần chót, gặp để chối bỏ cô ta. Hà-nội thì cho những tên mật vụ khôn khéo nhất đến dụ cô ta từ bỏ Dimitri.

Ở đoạn chót của truyện, tổng lãnh sự Nga đưa Dimitri đến gặp Quỳnh Đào. Chỉ cần anh ta nói không còn yêu cô ta nữa thì anh ta sẽ được thả.

Đoạn kết của cuốn truyện diễn ra thật là ngọt ngào và hãi hùng. Quỳnh Đào đòi công khai hôn từ biệt Dimitri, sau đó, cô ta mới chịu từ bỏ Dimitri. Sau khi Dimitri và Quỳnh Đào ôm hôn nhau thật say đắm và cho nhau lời tỏ tình tha thiết nhất, Dimitri đã nở nụ cười đắc thắng rồi lao mình qua cửa sổ nhảy xuống dưới tự tử. Diễn biến ấy quá đột ngột, chỉ bằng cái chớp mắt. Mọi người trong căn phòng sửng sờ, ngơ ngác. Quỳnh Đào bưng mặt, khóc nức nở...

Cuốn *"Một Người Nga ở Sài Gòn"* phản ánh con người của Duyên Anh: nhạy cảm trước những nỗi đau của con người, bất mãn vì những tấn tuồng người hành hạ người. Đây là cuốn sách làm cho người đọc xúc động sâu xa. Duyên Anh có thiên phú để viết loại sách này. Chiều sâu, tính cách trang nghiêm và tính cách phổ quát của sách đương nhiên đưa sách ấy lên ngang hàng với những tác phẩm đặc ý nhất của Zinoviev, của Solzhenitsyn...

Duyên Anh không làm cái việc nhàm chán là "liệt kê những đau thương" của dân tộc Việt Nam dưới ách cộng sản. Ông ta dùng một hình thức khác để làm tròn sứ mạng một người cầm bút lưu vong, ông đã thay mặt cho những người ở lại quần đảo ngục tù VN để nói cho thế giới bên ngoài biết tinh thần chịu đựng và tinh thần thách đố những kẻ đang cai trị nước VN, những kẻ được coi là man rợ bậc nhất trong lịch sử hiện đại của loài người. Duyên Anh đã mô tả cho bên ngoài thấy cái chiến thắng của con người nhất định không chịu khuất phục trước sự tàn ác man rợ của chính con người đối với con người.

Nhà văn của Pháp Ghislain Ripault dùng trọn vẹn những trang đề tựa để đặc biệt giới thiệu Duyên Anh với độc giả nói tiếng Pháp trên thế giới, và giới thiệu cuốn *"Un Russe à Saigon"*. Ripault viết:

"Nếu ngày 30 tháng 4 năm 1975, Sài Gòn không đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh thì có lẽ cuốn sách này chưa chào đời. Mỗi tác phẩm có một lịch sử, kín

đáo hoặc rằm rộ. Cuốn sách này có một lịch sử, nó là một phần của LỊCH SỬ. Lịch sử của nước Việt Nam. Tác giả là "một nhân chứng của thời đại ông ta," một nhân chứng trở về từ xa, rất xa. Từ hai cuộc lưu vong.."

Sau khi trang trọng và ân cần nói đến thành tích và sự nghiệp văn chương của Duyên Anh tại Việt Nam cho đến năm 1975, Ripault viết về cuốn "*Un Russe à Saigon*":

"Viết từ kinh nghiệm sống rất gần, cuốn sách này là một tác phẩm hướng dẫn con người làm thế nào vượt lên trên hận thù, làm thế nào tìm lại được tiếng nói và phẩm cách của mình, làm thế nào tìm được trong hố thẳm của tuyệt vọng cái nghị lực của một niềm hi vọng tuy mong manh nhưng dai dẳng..."

Tư tưởng của Duyên Anh gửi cho nhân loại qua tác phẩm "*Un Russe à Saigon*" được nhiều tờ báo Pháp nêu lên trong khi điểm cuốn sách ấy hoặc nhận định về tư tưởng của Duyên Anh trong cuốn sách ấy.

Ngày 13-10-1986, tờ *Témoignage Chrétien* viết:

"Duyên Anh nhắc nhở rằng vì có thể yêu đến nỗi chết vì tình yêu, con người thực ra lớn mạnh hơn mọi ý thức hệ, và mạnh hơn tất cả những kẻ mạnh. Với Duyên Anh, không có cuộc chiến nào đáng giá hơn cuộc chiến cho con người, ông ta gọi đó là cuộc chiến cho con người và chiến thắng của con người đối với hận thù và đối với những đồng đảng của hận thù."

Tờ *Dimanche Provençal* đề ngày 19-10-1986 viết:

"...Anh ta, Dimitri, kỹ sư dầu lửa làm việc tại Sài Gòn. Cô ta, Quỳnh Đào, vừa ra khỏi nhà tù cộng sản. Họ gặp nhau rồi yêu nhau. Bề ngoài thì người Nga và người Việt ca ngợi tình hữu nghị giữa các dân tộc. Nhưng trong thực tế, những hình thức đầy đọa dã man nhất đã đè nặng lên mỗi tình ngang trái này. Để tới thảm kịch."

Tờ *Le Figaro* đề ngày 29-9-1986 viết:

"Tình yêu của một cô gái Việt chống cộng hung hãn, và một cán bộ Nga gốc Ukraine, tuy là cộng sản nhưng không che dấu sự khinh khi những người Sô Viết, đó là chủ đề thật sự của cuốn "Un Russe à Saigon". Chủ đề ấy cũng dùng làm bối cảnh để tác giả hỏi tội nước Mỹ và Liên Sô vì đã xô què hương của tác giả đến bất hạnh."

Tờ *La Vie* đề ngày 5-11-1986 phê bình:

"...Một Người Nga ở Sài Gòn – tác giả Duyên Anh. 'Chỉ có tình yêu là đáng kể,' đó là lời của một người Nga bị kết án phải làm tờ tự thú vì đã yêu một thiếu nữ VN mới ra khỏi nhà tù cộng sản...Sài Gòn 1980: thành phố đã đổi tên là Hồ Chí Minh, ở đó, chợ đen và sự tổ cáo lẫn nhau đang ngự trị... Quỳnh Đào, kẻ chống đối chế độ gặp Dimitri, kỹ sư dầu lửa. Không có gì gọi là xếp đặt từ trước để họ chú ý tới nhau. Họ nói với nhau, né tránh nhau, rồi yêu nhau. Họ sẽ chịu những sự nhục nhã do phía mỗi người gây ra, nhục nhã cho đến chết... Được viết tại trại buồn thảm Pulau Bidong, truyện tình của cặp tình nhân nạn nhân ý thức hệ này là một truyện não lòng. Tác giả là một người Việt đã đi tìm tự do trên một chiếc ghe. Tị nạn tại Pháp, ông ta cho chúng ta tác phẩm văn chương duy nhất về miền nam Mác-xít lọt được ra ngoài cho tới ngày nay. Câu chuyện thật là ghê gớm. Một thảm kịch sống."

Ngày 31-10-1986, tờ *Republican Lorrain* đăng một bài phê bình dài về những cuốn sách viết về tình yêu Đông- Tây ngăn cách bởi ý thức hệ qua ngòi bút của Claude Fleury. Ông ta đã dành phần dài nhất để viết về Duyên Anh và cuốn "*Un Russe à Saigon*". Điều được Fleury đặc biệt chú ý là lòng căm thù của người dân Việt đối với bọn người Nga đang có mặt trên quê hương của họ. Khi biết Quỳnh Đào yêu một gã

người Nga, lập tức dân chúng tẩy chay cô ta, và gọi cô ta là "mật thám cho Nga." Và một hôm khi họ bắt gặp cô ta có một cử chỉ âu yếm với Dimitri, họ đã thẳng tay tặng cho cô ta hai chữ "con điếm".

Fleury thuật lại lời nói của Quỳnh Đào: *"Đây là trận đương đầu giữa tình yêu và ý thức hệ, giữa đời sống và cái chết. Bên nào sẽ thắng?"* Fleury kết luận rằng *"không thể nào thờ ơ được trước câu hỏi này."*

Duyên Anh trình bày bộ mặt ghê tởm của chính quyền cộng sản tại VN cho thế giới thấy bằng một kỹ thuật dùng chữ nhẹ nhàng, hình ảnh nhiều hơn là những từ ngữ đao búa. Thí dụ ông đã cho thấy sự hèn nhát đáng khinh bỉ vô cùng của bọn cán bộ cộng sản VN, từ những tên cao cấp nhất cho tới đám đàn em ở dưới. Bắt được quả tang những người Nga ăn cắp đồ, nhưng bọn cán bộ ấy vội vàng nêu mọi lý do vu vơ và ồn ào để che lấp tội ăn cắp ấy. Thí dụ sự căm thù của người dân Việt trong lúc này đối với bọn người Nga đã được diễn tả thật sâu sắc. Thế rồi đến sự mô tả nỗi thất vọng chua cay của chính giai cấp vô sản sau khi cộng sản cai trị miền nam. Lớp vô sản ấy đã từng ôm giấc mơ là chủ nghĩa cộng sản sẽ mang lại no ấm và hạnh phúc cho họ. Trên hết trong cuốn sách là tình người mà Duyên Anh muốn gửi nhân loại qua tình yêu vượt biên giới, tình yêu ở trên các ý thức hệ giữa một thiếu nữ Việt chống cộng và một chuyên viên cao cấp của đế quốc Sô Viết còn giữ được chút nhân tính. Chính cái tư tưởng của Duyên Anh về tình nhân loại này là điều cao cả nhất tỏa ra từ cuốn *"Một Người Nga ở Sài Gòn"*. Do đó, sách ấy không còn đơn thuần là một cuốn tiểu thuyết. Nó là một cáo trạng chông chất, nó là một khí giới sắc bén để Duyên Anh tung hoành trên mặt trận quốc-tế-vận.

"Một Người Tù Binh Mỹ tại Việt Nam" là cuốn sách thứ hai mà Duyên Anh dùng để nhắm thế giới Tây phương, nhất là nhắm nước Mỹ và dân tộc Mỹ. Cuốn này cũng là một truyện tình, dĩ nhiên là truyện tình khác thường. Lần này là truyện tình giữa một tù binh Mỹ và một cán bộ rất cao cấp, coi như một đảng viên ưu tú của cộng đảng Việt Nam. James Fisher là con trai của dân biểu điều hâu Allan Fisher, đơn vị tiểu bang Texas. Được lệnh nhập ngũ, James tình nguyện phục vụ làm quân nhân chuyên viên trong ngành không quân, và được chỉ định phục vụ trên một pháo đài bay B-52, căn cứ tại Thái Lan. Ở phi vụ đầu tiên năm 1969 trên không phận Bắc Việt, máy bay của anh ta bị bắn rơi. James bị bắt sống rồi bị giam trong tám năm. Đến lúc Hà-nội khai thác xương lính Mỹ chết và buôn số tù binh Mỹ còn sống để hi vọng mặc cả với nước Mỹ thì cộng đảng VN gọi một nữ cán bộ tình báo rất cao cấp từ Pháp trở về. Mục tiêu là dùng nữ cán bộ ấy để tẩy não James Fisher, rồi dùng James làm "quà tặng" nước Mỹ và nhân dân Mỹ, nhưng chỉ tặng sau khi đã buộc James phải ký vào tờ khai nghiêm khắc lên án nước Mỹ là đã phạm tội ác gây chiến tại VN. James cũng sẽ phải đọc những lời khai ấy vào máy ghi âm để đài phát thanh Hà-nội truyền đi khắp thế giới.

Cuộc chiến gay go chưa từng thấy giữa hai người tượng trưng cho hai ý thức hệ đối nghịch diễn ra trong nhiều tuần. Hà-nội cử Chi Mai đến trại giam Lý Bá Sơ, nơi James bị nhốt tù nhiều năm, để thực hiện cuộc tẩy não. Chi Mai là con gái cứng của một ủy viên trung ương đảng cộng sản VN. Sau khi tốt nghiệp đại học Hà-nội, cô ta được đảng cho sang Nga để học về kỹ thuật cảnh sát mật vụ, và còn được tình báo KGB của Nga đào tạo về tình báo nữa. Cô ta đã thực tập ở nhiều nơi trong đế quốc Sô Viết, và được chấm là học viên xuất sắc khi mãn hạn huấn luyện. Sau một thời kỳ phục vụ tại sứ quán Hà-nội ở nước Anh, Chi Mai được đổi về sứ quán Hà-nội tại Pháp, và đang ở nhiệm kỳ này thì được đảng gọi về tẩy não tù binh "có giá đặc biệt" Fisher.

Chi Mai rất tự tin. Cô ta đọc hồ sơ về James Fisher xong thì nghĩ ngay rằng tên lính Mỹ ấy sẽ không thể nào qua mặt cô được.

James Fisher được coi như tiêu biểu cho giới trung lưu của xã hội Mỹ, con của một gia đình có truyền thống sâu nặng về tín điều của Thiên Chúa Giáo. James Fisher rất hãnh diện được phục vụ tại Việt Nam theo lệnh của chính quyền Mỹ. Tất cả mọi thứ cho thấy James Fisher hoàn toàn là một sự đối nghịch với Chi Mai.

Chi Mai đã mang hết mảnh khóc và kinh nghiệm tẩy não, tra tấn học được của quan thầy Nga để dụ James Fisher. Từ nhẹ đến nặng, Chi Mai đã cho James Fisher nếm đủ mùi trong hệ thống ngục tù của người cộng sản VN. Nhờ đức tin của người Thiên Chúa Giáo, nhờ sự tin tưởng mạnh mẽ vào những giá trị cao đẹp của nền dân chủ Mỹ, nhờ sức chịu đựng bền bỉ và ảnh hưởng của giáo dục gia đình, James Fisher đã chiến đấu đến cùng, và sau cùng, Chi Mai đã chịu thua.

Sau khi gửi báo cáo về Hà-nội, thú nhận đã không tẩy não được James Fisher, Chi Mai được lệnh trở lại trại giam James một lần nữa, và có hai tuần để thử một lần chót. Sau hai tuần ấy, nếu James vẫn còn ngoan cố thì phải giết anh ta.

Đoạn kết diễn ra ngoài sự ước tính của bộ óc lãnh đạo Đảng. Thay vì chuẩn bị để dần dần đưa James tới cái chết thì Chi Mai lại dùng hai tuần ấy một cách rất khôn khéo để qua mặt bọn lính cộng sản gác trại. Và khi gần hết hạn chót hai tuần, Chi Mai đã dắt James đi trốn qua rừng sâu để tới Lào, rồi từ Lào, chạy tới Thái Lan. Chung cuộc, Chi Mai đã cùng James tới được đất Thái. Trong khi chờ máy bay đưa hai người về Mỹ, Chi Mai thú thật với James Fisher rằng cô ta đã tìm thấy ở James con người tiêu biểu cho các giá trị và truyền thống cao đẹp của nước Mỹ hào hùng, nước Mỹ đã hi sinh rất nhiều để bảo vệ tự do cho nhân loại.

Trong cuốn sách này, Duyên Anh vẫn dùng bút pháp nhẹ nhàng để mô tả những thủ đoạn tra tấn và tù đầy của bạo quyền Hà-nội. Chỉ bấy nhiêu thôi, Duyên Anh đã thành công trong việc làm cho độc giả Tây phương hiểu rõ thực chất man rợ của cộng đảng Việt Nam. Kỹ thuật buôn bán xương lính Mỹ chết và đổi chác lính Mỹ còn sống viết trong sách sẽ là một sự hướng dẫn rất hữu ích cho nước Mỹ trong lúc này là lúc mà Hà-nội đang khai thác mạnh vấn đề tù binh Mỹ còn sống tại Việt Nam sau năm 1975

Trong cuốn sách, có nhiều đoạn đối thoại. Một mặt, những lời đối thoại ấy nêu rõ chính sách cai trị cực kỳ tàn ác của người cộng sản Việt Nam, mặt khác, cũng có những lời dẫn mặt nước Mỹ về đường lối chống cộng vụng về của một anh nhà giàu nhưng nghèo nàn về tư tưởng, và không chịu hiểu tâm lý của những xứ nhỏ bé được nước Mỹ giúp trong cuộc chiến chống cộng.

Cuốn sách này sẽ giúp nước Mỹ rửa mặt và phục hồi được danh dự sau cuộc triệt thoái chằng vè vang gì để ra khỏi Việt Nam bằng cách trắng trợn để mặc cho đồng minh nam VN dấy chết trước bạo lực của cộng sản quốc tế. Khi được chuyển sang Anh ngữ, cuốn sách này sẽ mở đường để Duyên Anh đi vào Tây Bán cầu, hứa hẹn nhiều hoạt động quốc-tế-vận qui mô khác của Duyên Anh...

"Đồi Fanta" là một cuốn sách viết từ một bối cảnh rất thương tâm. Đầu năm 1980, chính quyền Hà-nội còng chân và còng luôn cả tay Duyên Anh vào với Hồ Hữu Tường, rồi chuyển hai người ấy từ nhà tù Xuyên Mộc về nhà tù Hàm Tân. Khi ở Hàm Tân, Duyên Anh khám phá rằng ở gần đấy, có một trại tù chuyên giam giữ trẻ em Việt Nam. Gần trại, có một ngọn đồi không tên. Trước ngày tình Phước Long lọt vào tay cộng quân, một đơn vị quân lực VNCH đã đồn trú ít lâu ở dưới chân đồi. Đơn vị này được tiếp tế nước ngọt hiệu Fanta. Vỏ chai Fanta được những người lính VNCH liệng bỏ chất thành đống ở dưới chân đồi. Khi một tù nhân con nít chết, cộng sản chôn đưa

trẻ ấy dưới chân đồi. Tên họ nó và ngày chết được ghi trên một mảnh giấy, bỏ vào vỏ chai Fanta, và vỏ chai được cắm động ngược ở trên mộ của nó. Thoạt đầu, chỉ có vài ba cái mồ Fanta. Dần dần, có hàng chục, hàng trăm rồi đến hàng ngàn quả đồi mang tên là Fanta.

Duyên Anh bị ám ảnh bởi quả đồi Fanta. Ông nghĩ rằng nếu ông thoát khỏi tù và còn sống thì ông sẽ viết về những ngọn đồi Fanta ấy. Người ta hiểu tại sao Duyên Anh bị ám ảnh như thế: trước năm 1975, ai cũng biết rằng qua hàng chục tác phẩm, Duyên Anh luôn luôn tha thiết muốn giúp tuổi trẻ Việt Nam để giới ấy tạo được một đời sống tốt đẹp trong khung cảnh loạn ly của Việt Nam. Và khi những đứa trẻ Việt bị cộng sản giam giữ, hành hạ và thủ tiêu, Duyên Anh lại càng bị ám ảnh nhiều hơn nữa.

Tháng 9 năm 1981, Duyên Anh được thả thì đến tháng 4 năm 1982, vợ con ông ta đi thoát sang Pháp, nhờ lòng cao cả và vị tha của ông bà Auguste Ablason ở Ermont đã nhận bà Duyên Anh làm con gái và bảo lãnh vợ con Duyên Anh qua Pháp. Ông Charles Bonfils, một người Pháp có uy tín đã tận tình can thiệp với bộ Ngoại Giao Pháp nên vợ con của Duyên Anh đã được nhập cảnh sớm. Ở lại Việt Nam một mình, Duyên Anh bắt đầu viết lại. "Đồi Fanta" là một trong vài tác phẩm được viết trong khung cảnh này. Đồi Fanta được viết xong vào tháng 8 năm 1982.

Cuốn Đồi Fanta bị chậm trễ chuyển sang Pháp ngữ và Anh ngữ vì lý do rất giản dị là Duyên Anh không có tiền để thuê người dịch, mặc dầu bản thảo của cuốn ấy đã được Duyên Anh lén gửi sang Pháp cho bà Duyên Anh. Duyên Anh cũng thông báo cho bà K.V. Simpson (Thư ký của Ủy Ban Các Nhà Văn trong Tù của Văn Bút Quốc Tế) biết rằng cuốn Đồi Fanta sẽ được bà Duyên Anh chuyển cho Văn Bút Quốc tế. Vì lo sợ cho an ninh của người chồng còn ở lại VN, bà Duyên Anh đã chần chừ trong việc chuyển cuốn sách ấy sang Anh ngữ.

Thật tủi nhục cho Duyên Anh khi chân ướt chân ráo tới xứ người đã phải đi mua những cuốn sách do chính ông ta viết trước năm 1975 tại VN. Trong bài "Đi Lại Từ Đầu" đăng trên nguyệt báo Ngày Nay số 60, tháng 1 năm 1987, Duyên Anh viết về những thiệt thòi của ông khi bị ăn cướp kết quả công trình tư tưởng:

"...Bọn khốn nạn tái bản bừa bãi không tặng tôi được một cuốn chứ đừng nói chúng trả tôi một đồng. Nếu những tên Đại Nam, những tên sống trên lưng nhà văn còn chút xíu lương tâm, chúng trả tôi với giá bóc lột hơn cộng sản, mỗi cuốn 200 đô la thì tôi có thể dùng tiền này thuê dịch tác phẩm của tôi đã đăng quảng cáo cho bọn ăn cướp để im lặng. Đó là chúng tích của ô nhục hay thành tích bảo vệ lẽ phải, tranh đấu vì quyền lợi của người khác? Tôi có quyền nghi ngờ lòng yêu nước, thương nòi của họ. Mọi dấn thân, mọi dấy động trong văn chương của họ chỉ là sự bịp bợm tồi tệ."

Trong lời than thở trên đây, Duyên Anh dùng chữ "nghi ngờ" là ông ta vẫn còn quá nhẹ tay khi viết về lối sống của người Việt tị nạn tại Mỹ. Nếu ông ta có cơ hội nhìn rõ hơn nữa nếp sống ấy thì ông ta sẽ phải kết luận rằng sự đạo tặc văn hóa và thói chỉ muốn đọc sách báo mà không muốn trả tiền là hai trong nhiều khía cạnh của dân tộc tính mới đã được phát triển mạnh mẽ trong khối người Việt lưu vong.

Nhưng rồi Duyên Anh cũng vẫn tự lực lo liệu được việc chuyển cuốn "Đồi Fanta" sang Pháp ngữ. Được nhà Belfond xuất bản, cuốn ấy có thể sẽ còn làm cho thế giới Tây phương xúc động hơn cuốn "Un Russe à Saigon" nữa. Khi nhìn vào chính sách cai trị của nhiều nước cộng sản, người ta thấy tuy độc tài và tàn bạo, nhưng một số chính quyền cộng sản không man rợ đến nỗi hành hạ cả đám trẻ nít. Nhìn những bức hình, theo dõi hình ảnh sinh hoạt tuổi trẻ tại nhiều nước cộng sản, kể cả Bắc Cao, Trung Cộng, trẻ em đâu sao cũng còn thở được, và tương đối chịu ít khổ cực hơn

những người lớn. Trường hợp Việt Nam dưới chính quyền cộng sản khác hẳn: không một giới nào thoát được sự hành hạ dã man của bạo quyền Hà-nội. Với cuốn "Đời Fanta" chuyển sang ngoại ngữ, Duyên Anh tiếp tục bỏ xa các người cầm bút Việt lưu vong khác trong cuộc chiến tư tưởng để làm cho thế giới hiểu thực chất của chính quyền cộng sản tại Việt Nam

Trước khi một mình xông vào mặt trận quốc-tế-vận, Duyên Anh đã nêu khẩu hiệu chiến đấu của ông ta:

"...Bây giờ, tôi thêm nổi tiếng, mong mọi nổi tiếng, càng nổi tiếng sớm càng tốt. Để tôi có tiếng nói đẹp để tranh đấu cho sự giải thoát dân tộc và tổ quốc tôi... Giai đoạn múa bơi chèo, tranh con tôm, con tép trong kính rạch cần chấm dứt. Phải ra khơi biết mặt trùng dương. Ra khơi xong, hoàn tất sứ mạng văn nghệ sĩ Việt Nam hải ngoại xong, tôi lại về kính rạch quê hương tôi."

Giữ lời hứa tâm nguyện, giữ lời tự nguyện làm tròn sứ mạng người cầm bút lưu vong, Duyên Anh quả thật đã mang được tiếng nói đẹp để vào mặt trận tư tưởng để tranh đấu giải phóng quê hương và dân tộc Việt Nam.

Đến Pháp cuối năm 1983 thì vài tháng sau, Duyên Anh đã được tạp chí quốc tế *Index on Censorship* phỏng vấn. Tạp chí này xuất bản tại thủ đô Anh quốc, số 3 phát hành tháng 6 năm 1984 của tạp chí này đăng một bài dài, ghi lại cuộc phỏng vấn nhà văn Duyên Anh. Qua cuộc phỏng vấn này, Duyên Anh đã làm đúng vai trò "nhân chứng" của một người cầm bút. Trong khi nói về đời sống của ông ta và của gia đình tại VN, Duyên Anh không bỏ lỡ cơ hội nào để nói thật rõ về thực chất mọi rợ của bạo quyền Hà-nội và đời sống hết sức cơ cực của đồng bào ông tại Việt Nam sau năm 1975.

Bài phỏng vấn của tạp chí *Index on Censorship* có tiếng vang mạnh mẽ ngay. Tại Pháp, nhà văn Ghislain Ripault đọc số tạp chí ấy, và ông đặc biệt chú ý tới Duyên Anh. Ít tuần sau, Ripault thú thật rằng ông ta rất hổ thẹn vì một nhà văn lưu vong của Việt Nam định cư ở Pháp, chỉ cách ông ta có vài quãng xe điện ngầm mà ông ta chưa được biết. Ripault là một nhà văn quen biết của Pháp, và là người chủ trương tạp chí *Contre Ciel*, chuyên giới thiệu các nhà thơ, nhà văn Nam Mỹ, Phi Châu, Á Châu và các sáng tác của họ. Báo *Contre Ciel* in rất đẹp, và đặc biệt là tạp chí ấy không đăng quảng cáo thương mại. Ripault rất chú ý đến tác phẩm "*Một Người Nga ở Sài Gòn*" mà một chương của sách ấy chuyển sang Anh ngữ đã được tờ *Index on Censorship* đăng ở ngay bên cạnh bài phỏng vấn Duyên Anh. Ngoài việc long trọng giới thiệu Duyên Anh với các độc giả của *Contre Ciel*, Ripault còn muốn mời Duyên Anh cộng tác với tạp chí ấy nữa.

Sau cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa Duyên Anh và Ripault vào tháng 9 năm 1984, Ripault đã trở thành một người bạn rất thân của Duyên Anh. Trong những tháng sau đó, Ripault đã tận tụy không kể ngày giờ để giúp mở cửa mặt trận Âu Châu cho Duyên Anh, nhất là giới thiệu Duyên Anh với nhà xuất bản Belfond. Sau này, trong rất nhiều buổi diễn thuyết và đọc thơ của Duyên Anh, Ripault thường có mặt cạnh Duyên Anh.

Ngày 13-4-1984, Duyên Anh được mời tới trung tâm Savidan tại thị trấn Lannion (trụ sở của tổ chức Ân Xá Quốc Tế Âu Châu đặt tại đây) để nói chuyện về nước Việt Nam dưới chính quyền cộng sản. Nhiều tờ báo Pháp nồng nhiệt giới thiệu Duyên Anh với độc giả của họ, và theo lời lẽ trong những bản tin hoặc bình luận, các tờ báo ấy đều gọi Duyên Anh là nhân chứng quan trọng về vấn đề Việt Nam dưới ách cộng sản.

Những bản tin và tường thuật về hoạt động tranh đấu sơ khởi bằng tư tưởng này của Duyên Anh đã làm cho dân chúng Pháp càng ngày càng biết thêm về Duyên Anh.

Từ đây trở đi, con đường càng ngày càng mở rộng để đưa Duyên Anh vào đời sống tư tưởng các dân tộc Âu Châu. Vì trong chiến tranh Việt Nam, nhiều quốc gia Âu Châu đã phạm tội thờ ơ, phạm tội che đậy tội ác của cộng sản Hà-nội trong cuộc chiến tranh thôn tính miền Nam VN, nay đã biết giác ngộ, hay vì tư tưởng của Duyên Anh có chiều sâu và sức mạnh thuyết phục được các dân tộc Âu Châu? Có thể cả hai điều ấy đã xảy ra nên các dân tộc ấy dành cho Duyên Anh một sự đãi ngộ thật đặc biệt mà chưa một người Việt Nam nào có được từ trước đến nay.

Vì con đường đã mở rộng nên Duyên Anh được mời diễn thuyết, nói chuyện hoặc đọc thơ nhiều lần. Ông ta không có thói quen giữ lại các bài báo ngoại quốc viết về hoạt động tranh đấu bằng tư tưởng của ông ta. Người viết sách này đã phải viết thư khẩn khoản yêu cầu ông ta nhiều lần, ông ta mới nhờ bạn hữu thân thập được một vài bài báo hoặc bản tin viết về hoạt động quốc-tế-vận của ông ta tại Âu Châu trong những tháng qua. Do đó, phần dưới đây chỉ ghi lại được có một vài hoạt động của nhà văn Duyên Anh tại Pháp từ 1986 tới tháng 6 năm 1987 là thời điểm viết xong cuốn sách này.

Ngày 25-5-1986, bình bút Philippe Riboton của nhật báo *Le Dauphine Libéré* tường thuật buổi đọc "Thơ Từ" của Duyên Anh tại Théâtre Action tối 23-5-1986. Trước một cử tọa chọn lọc và chăm chú, Duyên Anh đọc nhiều bài thơ mà ông ghi trong trí nhớ trong những năm tháng còn bị cộng sản giam tại Việt Nam, rồi sau này, khi tới Pháp, ông mới ghi lại được trên giấy và chuyển sang Pháp ngữ. Những bài thơ này có sức mạnh làm cho bình bút Riboton kết luận sau khi nghe Duyên Anh là "*những bài thơ này đã vang dội như là tiếng nói của nước Việt Nam lưu vong.*"

Tháng 5 năm 1986, Duyên Anh được mời đọc "Thơ Từ" tại thành phố Grenoble. Tiếng vang tốt đẹp cho uy tín và danh dự của người Việt lưu vong nhờ Duyên Anh còn chưa dứt thì đã đến thời điểm Duyên Anh phát hành cuốn "*Un Russe à Saigon*". Sách ấy vừa được phát hành thì ông ta được mời đại diện cho Việt Nam để tham dự "*Festival de la Littérature francophone*" cùng với 250 nhà văn lỗi lạc của các quốc gia nói và viết tiếng Pháp tại thành phố Le Mans. Thế giới biết đến Le Mans như là một nơi chuyên tổ chức những cuộc đua xe hơi chạy nhanh nhất thế giới, nhưng Le Mans còn là một khu vực mà cộng sản Pháp hoạt động rất mạnh. Chính ở điểm thứ hai này mà Duyên Anh nhằm để lên tiếng mạnh mẽ. Được mời lên tiếng, Duyên Anh đã đọc một diễn văn nẩy lửa để kết án chính quyền Hà-nội. Ban tổ chức đã ân cần dành cho Duyên Anh một cái bàn tại địa điểm đại hội để ông ta ký sách cho độc giả mua cuốn "*Un Russe à Saigon*".

Sau ngày tham dự đại hội nói trên, Duyên Anh được truyền thanh và truyền hình của Pháp phỏng vấn về thân thế và sự nghiệp văn chương của ông ta trước và sau năm 1975, và đặc biệt là họ phỏng vấn ông ta về cuốn "*Un Russe à Saigon*".

Ngày 19-1-1987, Duyên Anh lại được mời đọc "*Thơ Từ*" tại địa điểm Salle des Fêtes, Quận 6 của thủ đô Paris cho một cử tọa gần 400 người Pháp ưu tú nghe. Đây là một trong những buổi đọc thơ long trọng nhất và thành công nhất của Duyên Anh. Sử gia Pierre Chaunu của Pháp nồng nhiệt giới thiệu Duyên Anh với cử tọa trước khi ông ta đọc thơ. Kịch sĩ Michel Etcheverry của Đoàn Ca Kịch Quốc Gia Pháp diễn tả bằng Pháp ngữ. Nhiều người trong cử tọa ấy khóc sướt mướt trong buổi đọc thơ. Xong phần đọc thơ, sử gia Chaunu phát biểu tới mười phút về thơ và về con người Duyên Anh. Trong những lời phát biểu của Chaunu, có câu "*Duyên Anh đến đây đây chúng ta một bài học về lòng nhân ái.*" Trên hàng ghế tham dự, còn có tác giả Michel Tauriac, một nhà

văn Pháp kịch liệt chống bạo quyền Hà-nội, và Olivier Todd, một cây viết trứ danh của Pháp, trước kia hung hãn bào chữa cho Hà-nội và Việt Cộng, nay giác ngộ và trở thành người hết sức ủng hộ cuộc chiến đấu của người Việt quốc gia. Đêm 19-1-1987, tuyết lạnh ngập trời, nhưng độc giả vẫn kiên nhẫn đứng chờ để mua sách của Duyên Anh. Số sách bán được trong buổi đọc thơ này được Duyên Anh tặng cho ủy Ban Ủng Hộ Một Nước Việt Nam Tự Do.

Phần thưởng lớn nhất cho Duyên Anh trong buổi đọc thơ đêm 19-1-1987 là bài phát biểu của ông Pierre Bas, thuộc Viện Khoa Học Hải ngoại Pháp, kiêm dân biểu danh dự của Pháp và thị trưởng đơn vị quận 6 của Paris. Bài phát biểu của ông Pierre Bas được đăng trên nguyệt báo *Le Courrier* số 127 tháng 2 năm 1987.

Trong bài, ông Pierre Bas viết rằng cử tọa Pháp và Việt trong đêm đọc thơ của Duyên Anh rất chăm chú, và có thể đã nhận được một thông điệp lớn.

Ông Pierre Bas viết:

"... Ông Pierre Chaunu đã cho chúng ta biết ông Duyên Anh. Độc giả của chúng ta đã biết rõ ông Chaunu là một nhà văn, một sử gia, một nhà xã hội học, một tư tưởng gia làm vinh dự cho xứ sở chúng ta. Ông ấy đã giới thiệu nhà thơ một cách rất tinh tế: một nhà thơ lớn, một niềm hãnh diện và vẻ vang cho quốc gia, thế mà chế độ cộng sản đã nhốt tù ông ta. Quần chúng rất xúc động. Với một giọng dịu dàng, Duyên Anh đọc thơ của chính ông ta. Tiếng Việt là một thứ ngôn ngữ rất êm dịu du dương. Như ông Chaunu đã nhấn mạnh, linh mục Dòng Tên Alexandre de Rhodes khi chế ra thứ chữ viết cho tiếng Việt, đã giúp phổ biến văn hóa và dân chủ hóa kiến thức. Những bài thơ đã được chuyển sang Pháp ngữ do Sư Huynh Trần Văn Nghiêm, và được kịch sĩ Michel Etcheverry của Đoàn Ca Kịch Quốc Gia đọc với một tài diễn tả thật xuất sắc.

"Được thả ra khỏi trại cải tạo nhờ những sự phản kháng của thế giới tự do, Duyên Anh cho chúng ta biết trại ấy là gì: một thế giới của kinh hoàng, của những đau thương ghê gớm, một hệ thống tù đầy, có lẽ còn tồi tệ hơn cả hệ thống tù đầy mà Solzhenitsyn đã cực tả. Đó là một thế giới của sự tàn ác, của sự cuồng bạo, của những sự nhục nhã, của những sự trừng phạt tàn khốc, một thế giới mà không một người nào trong phòng này biết đến sự hiện hữu của nó, một thế giới mà chúng ta được biết nhờ sự tiết lộ, một thế giới mà người ta lấy làm hổ thẹn vì nó đã có vào năm 1987 trước mắt thế giới, một thế giới của tuyệt vọng, nhắc nhở người ta đến sự ghê tởm của các trại tập trung của quốc xã. Tối hôm đó, một buổi tối vui vẻ và dễ chịu như mọi buổi tối vui và dễ chịu của Paris, chúng ta mới được biết rằng trên thế giới, tại Việt Nam, đã có chủ nghĩa quốc xã với những sự ghê tởm của nó.

"Tôi nói đã đủ, và những bài thơ của Duyên Anh sẽ kể hết cho quý vị biết. Tôi mong mọi rằng quý vị sẽ tìm mua những bài thơ ấy. Như thế, quý vị sẽ được thông báo đầy đủ, như thế, quý vị sẽ biết những gì đang xảy ra trên trái đất, như thế, quý vị sẽ hỏi các tổ chức từ thiện, các hội đoàn tranh đấu cho nhân quyền rằng mỗi khi một nhà báo không xem được hồ sơ tại một xứ nào đó của tây phương, các tổ chức ấy vẫn la lối thì nay, hỏi xem họ đã làm gì khi con người bị hạ nhục, con người bị hành hạ. Duyên Anh gọi đó là "sự đóng đinh trên thập tự giá." Đúng vậy, đó là những sự hành hạ cũng tàn khốc như sự đóng đinh trên thập tự giá lên con người của thời đại chúng ta, và chúng ta lại giả đờ không biết, và chúng ta bưng tai lại, và chúng ta không muốn dính líu tới.

"Chúng ta phải trông chờ ở Bộ Ngoại Giao Pháp, là cơ quan có một đoàn công chức ưu tú đặc biệt, để mà tìm cách chấm dứt những sự ghê tởm đó đi. Thật không thể nào chấp nhận được rằng nước Pháp sẽ không nói gì với các tổ chức quốc tế, có lẽ viện cố rằng cần phải giải quyết một vài hồ sơ hợp tác, trong khi có những mạng người cần phải cứu vớt.

"Chúng ta có bốn phận báo động cho dư luận nhân dân Pháp. Tôi cam kết sẽ dẫn đầu cuộc chiến này, và tôi cầu mong nhiều người khác cũng sẽ nhập cuộc cùng với tôi, bằng cách viết cho Bộ Ngoại Giao Pháp, bằng cách đặt Bộ ấy trước thảm kịch này, là thảm kịch đáng được lo liệu bởi quốc gia đại diện cho những quyền làm người.

"Những gì đang xảy ra tại Việt Nam phải được chấm dứt, nếu không thì sẽ là bộ mặt của cả nhân loại bị đánh tạt và bị ô nhục bởi những sự ghê tởm của chế độ Hà-nội. Tôi sẽ hỏi những người khác: Có một thứ giá trị nào đáng giá hơn con người không? Hãy cứu lấy Con Người."

Duyên Anh chỉ mới đọc có 12 bài Thơ Tù của ông chuyển sang Pháp ngữ mà đã gây được sự xúc động sâu xa, lôi cuốn những người như Pierre Bas, Michel Etcheverry... vào sự nhập cuộc sâu xa để ủng hộ cuộc chiến đấu của người Việt chống cộng. Nếu người ta có thể tổ chức để nhà văn Duyên Anh đi diễn thuyết và đọc Thơ Tù nhiều lần nữa, tại nhiều quốc gia khác thì cuộc chiến cho sự giải phóng quê hương VN khỏi ách cộng sản sẽ còn ghi được nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa.

Cơ hội thật sự để Duyên Anh RA KHOI đã đến, và cũng là cơ hội để cho mọi người Việt biết tài năng cũng như bản lĩnh của ông ta khi ông ta được mời đại diện cho người Việt Nam để tham dự Đại Hội Các Nhà Văn Quốc Tế có mặt tại Pháp, do cơ quan văn hóa Pháp tổ chức tại Montreuil trong hai ngày 10 và 11 tháng 4 năm 1987.

Sau khi nhận lời tham dự đại hội nói trên, Duyên Anh được mời viết về đề tài *"Sự Dẫn Thân Của Văn Chương"*. Nước Pháp trả cho Duyên Anh thù lao để ông cho phép họ phổ biến bài viết của ông về đề tài nói trên. Bài ấy được chuyển sang Pháp ngữ và được nước Pháp phổ biến cùng với các bài phát biểu của 21 nhà văn quốc tế tham dự đại hội.

Với đề tài *"Sự Dẫn Thân Của Văn Chương"*, nhà văn Duyên Anh đã thay mặt cho nước Việt Nam, thay mặt cho dân tộc Việt Nam để cho thế giới thấy trình độ tư tưởng của người Việt đã đạt đến mức độ nào. Trên mười một năm lưu vong đã qua, chưa thấy có người tị nạn VN nào phát biểu được những tư tưởng như tư tưởng của Duyên Anh trong đề tài *"Sự Dẫn Thân Của Văn Chương"* đọc tại Đại Hội Các Nhà Văn Quốc Tế tháng 4 năm 1987. Duyên Anh xứng đáng được coi là người cầm bút lỗi lạc nhất của dân tộc Việt Nam trong lúc này, vì chỉ mới thấy có ông là đã làm vẻ vang được cho hai chữ Việt Nam. Bài phát biểu ấy có một giá trị lớn vượt ra khỏi biên giới của nước Việt Nam để mang một giá trị quốc tế. Đó là một thông điệp rất hàm xúc, đáng được gửi tới toàn thể nhân loại ở những năm chót của thế kỷ này.

Bài phát biểu ấy còn là phương châm để hướng dẫn nhà văn Duyên Anh hành động bây giờ, và trong suốt thời gian còn RA KHOI của ông ta, cho đến khi xức sớ và đồng bào của ông ta được giải thoát khỏi ách cộng sản.

Ở phần đầu của bài phát biểu, Duyên Anh viết:

"... Thoát ra luật pháp thành văn và giáo điều thành nghị quyết, thi sĩ sẽ vào nhà tù, trại tập trung cải tạo hay sẽ bị cô lập với đời sống. Do đó, nghệ thuật đã biến thành tín hiệu của bom dội, của hỏa tiễn bay, của công cụ chiến tranh phi nhân. Có lẽ, sự buồn bã này không xảy ra riêng cho nước tôi. Mà ở bất cứ nơi nào trên trái đất, hai chủ nghĩa đối nghịch gặp nhau, cùng mục đích làm

sáng tỏ lý tưởng và chân lý của riêng chủ nghĩa mình. Và đó là sự sai lầm tai hại.

"Tôi nghĩ, các chủ nghĩa và tham vọng mù lòa của chúng đã điều kiện hóa con người, đã khiến con người hèn mọn, mất mát lương tri. Nhưng mà chủ nghĩa đã tiêu diệt chủ nghĩa. Chủ nghĩa đã chết. Chủ nghĩa sắp chết. Con người tồn tại vĩnh cửu, bất kể con người tư bản hay con người cộng sản... Với tôi, điều sợ hãi nhất chính là sự thù hận. Bởi vì, thù hận làm con người tầm tối, ngu si đến không còn nhận ra mình nữa..."

Ở đoạn giữa của bài, Duyên Anh viết:

"Sau những chết chóc, sau những đổ vỡ, sau những bất hạnh triền miên, sau những phiêu pha tình nghĩa con người, nhân danh ý thức hệ này nọ, hôm nay, tham vọng chế ngự loài người đã phơi bày nguyên vẹn: chỉ còn sự tranh chấp quyền lực bằng bạo lực của hai thế lực mạnh nhất thế giới. Hiển nhiên, cả hai thế lực mạnh nhất đều chưa rụng một sợi lông chân, chưa rơi một hạt nước mắt. Nước mắt ở Việt Nam. Ở A Phú Hãn. Ở Nicaragua. Ở El Salvador. Ở Ethiopie. Ở Soudan. Ở Nam Phi. Ở Liban. Khi nước mắt cay đắng rơi thì hai thế lực bắt tay nhau mỉm cười, rồi ôm nhau hôn thắm thiết, chúc tụng nhau những lời đẹp đẽ nhất. Và loài người yếu đuối cứ thù hận, cứ chém giết, cứ đòi khổ, cứ lạc hậu, cứ ngu dốt, cứ nhân danh cái không phải của mình, cái tàn sát hạnh phúc của mình. Vậy thì nhà văn, nhà thơ đứng về phía thế lực mạnh nào, nhân danh cái gì mà soi sáng nỗi u mê của con người trong thù hận? Câu trả lời nằm ở sự chọn lựa quyết định và sự dẫn thân tích cực..."

Duyên Anh suy diễn sự dẫn thân của người cầm bút trong giai đoạn này như sau ở đoạn chót của bài:

"...Ở bất cứ một cảnh huống nào, con người bị hạ giá, con người bị bạo lực chế ngự, chữ nghĩa phải dấy động, tư tưởng phải lên đường. Người cầm bút cần có thái độ đối với bạo lực, bất kể bạo lực đến từ phía nào. Khi bạo lực còn đe dọa con người hàng ngày, thi ca và văn chương không thể là thứ trang trí cho hạnh phúc giả tạo, khiêu vũ trên thống khổ của đồng loại... Đi về phía trước, đó là tín hiệu dẫn thân quyết liệt của chữ nghĩa. Trong mọi hoàn cảnh, khi bạo lực diễn hành khiêu khích, khi chủ nghĩa quất xuống thân phận con người những ngọn roi nghiệt ngã, khi lưỡi lê độc tài đâm chảy máu dân chủ, tự do, khi hứa hẹn biến thành phản phúc, những khi ấy sẵn sàng nổi giận. Là người, chúng ta gắng mặt chiến đấu. "

Với những thành tích trên đây, đạt được chưa đầy ba năm sau khi ông ta tới Pháp, với những thành tích đang đạt được, và những thành tích lầy lừng khác chắc chắn sẽ đạt tới, người ta không thể coi những lời dưới đây của Duyên Anh là quá đáng nữa mà phải coi những lời ấy là chính đáng và cần thiết:

"...Một chút tự hào bốc dậy. Đã ngồi trên mặt đại dương bằng thuyền gỗ, sẽ ra khơi bằng văn chương. Đừng nghiêm khắc với sự kiêu ngạo của nghệ sĩ sáng tạo. Thiếu kiêu ngạo, nghệ sĩ sẽ khó lòng vươn lên... Với bọn đố kỵ, tôi thẳng thắn nói với chúng rằng tài năng như khói, không thể nhốt khói nổi, càng hùa nhau nhốt kỹ khói, khói càng tìm lối thoát ra, bay cao ngoạo mục... Tôi tự hỏi chúng nó đã đóng góp gì cho đất nước bằng tôi. Cuối cùng, tôi thấy với chúng nó, tôi có hai tội. Thứ nhất: tôi đã không thức thời, dám chống bọn kháng chiến bịp bợm. Thứ hai: tôi tài năng bay bổng, chúng nó là đà mặt cỏ. Tôi luôn luôn khiêm tốn với người công chính, với độc giả của tôi, với các bạn trẻ.

Nhưng hãy cho phép tôi, một lần chót, bày tỏ lòng khinh bỉ của tôi với bọn đố kỵ tài năng, bọn ngụy văn nghệ, ngụy quân tử.”

Phạm Kim Vinh (1987)

Mời xem trọn quyển sách DUYÊN ANH và MẶT TRẬN QUỐC TẾ VẠN
tại: <https://vietmessenger.com>

Nguồn: <https://duyenanhvumonglong.wordpress.com/2021/01/18/duyen-anh-va-mat-tran-quoc-te-van-pham-kim-vinh/4/>

www.vietnamvanhien.org

